

(Mao và Lâm chắc quên chiến tranh Triều Tiên năm 1950 - 1953). Lâm nịnh Mao mà không biết ngượng, "chỉ có thuyết của Mao là chân lí, tự đề cao mình mà cũng không biết ngượng chỉ Lâm là sứ đồ duy nhất của Mao". Thâm ý của Lâm là đưa Mao lên bệ để làm ngầu tượng hưởng hương hoa của Lâm dâng lên, còn sứ đồ Lâm sẽ làm hết mọi việc nước cho. Mao khôn, hiểu Lâm muốn "hất mình lên", để chiếm ngôi của mình, nên bảo Lâm tốp lại.

Những năm 1960 - 1962 uy quyền của Mao xuống thấp nhất. Nhưng mùa thu 1962, lấy tư cách là chủ tịch Đảng, mặc dầu là vô quyền, ông ta vẫn có thể lên tiếng được, đọc một diễn văn bảo phải đào tạo lại thanh niên, phải ngăn chặn sự tiêu cực của cán bộ nông thôn, coi chừng bản năng tư sản của nông dân lại nổi dậy; phải xét lại vấn đề văn hóa mà bọn trí thức đương nắm độc quyền để phán lại xã hội chủ nghĩa và phục hưng lại chế độ tư bản. Không ai nghe ông cả.

Năm 1965, ông tấn công mạnh hơn, trách đáng để cho cán bộ cao cấp bị hủ hóa, chính đảng đã bị suy hoại tới đâu, tới cỡ rồi, phải dùng bản nông làm công việc thanh trừng từ nông thôn, nếu không tin được dân quân thì giao khí giới cho bọn bản nông đó.

Vậy Mao đã có ý làm một cuộc đảo chánh mà Lưu Thiếu Kỳ và Đặng Tiểu Bình không hiểu, hoặc hiểu mà vẫn tin rằng mình còn kiểm soát được. Mao nói là thanh trừ từ dưới lên. Thanh trừ ở dưới thì được, nếu dẹp luôn cả đảng ở trên cao thì loạn rồi, sụp đổ hết, điều đó không thể xảy ra được, họ nghĩ vậy.

Mao ra lệnh cho Lâm Bưu làm một cuộc đảo chánh, chiếm Bắc Kinh năm 1966.

Mao và Lâm làm chủ Bắc Kinh rồi, còn phải chiếm các tỉnh nữa. Mao biết rằng Đảng ở địa phương nếu không theo Lưu Thiếu Kỳ thì cũng không chịu để cho quân đội nghe Lâm Bưu mà diệt đảng; phải dùng một lực lượng khác và ông ta có một sáng kiến lạ lùng một thuật thần sầu quỷ khốc; dùng thanh niên tức hồng vệ binh để diệt cán bộ, diệt đảng. Bọn thanh niên đó dễ tin, nghe lời Mao, họ được dịp phá phách làm loạn nên háng hái vô cùng. Thử tưởng tượng bỗng nhiên thành những con cưng của chế độ, được quyền tố cáo, lật đổ các đảng viên có uy quyền đã áp chế họ, mà lại được mang cái vinh dự là để chống đỡ tổ quốc, cứu thoát nhân dân để làm "cách mạng văn hóa" thì còn gì sướng bằng!

Cách mạng Văn hóa

Mao cho in không biết bao nhiêu triệu bản (có sách nói là 740 triệu, không tiền trong lịch sử nhân loại) một tập *Sách Đỏ* truyền bá tư tưởng của ông.

Ông cho rằng bước nhảy vọt và Công xã nhân dân của ông thất bại, ông chịu nhận là thất bại rồi, chịu nhận rằng những thống kê của cán bộ công xã đều láo toét vì được sống mấy năm sung sướng trong hòa bình cán bộ đã hủ hóa, mất tinh thần cách mạng năm 1935 (vụ Trương hành), thành một bọn công chức tiểu tư sản, sợ khó nhọc, biếng nhác... vậy phải làm lại cách mạng, đưa hết bọn cán bộ, trí thức, học sinh ở thành thị về nông thôn sống với dân quê, vào trong các nhà máy sống với thợ thuyền, lao động cực khổ, để cho tinh thần cách mạng của họ phục hồi lại. Họ phải có tinh thần chịu nghèo, thích nghèo, thích làm công việc tay chân, không thêm dùng máy móc của bọn tư sản,

không chuyên môn hóa, luôn luôn chống bọn thư lại, tiểu tư sản. Như vậy là thay đổi cả một nền văn hóa cho nó thành một thứ văn hóa bản cùng, vô sản, lao động. Mao dùng từ “văn hóa” theo nghĩa ấy.

Cứ khoảng 10 năm lại phải làm lại cuộc cách mạng văn hóa đó, cho tới trăm năm, ngàn năm, nếu ngừng lâu thì con người lại hủ hóa, tư sản hóa, lại có giai cấp đấu tranh nữa. Vậy cách mạng văn hóa đó phải thường trực, tuyệt đối.

Từ khi có loài người tới nay, chưa ai có ý nghĩ làm một cuộc cách mạng như vậy, thay đổi hẳn 600 triệu người, bắt họ thụt lùi lại, sống thời trung cổ hay thượng cổ nữa.

Cuốn Sách đỏ (tuyển tập) của Mao chỉ lớn bằng bàn tay, bỏ túi được. Bọn Hồng Vệ binh nhiều kẻ chỉ 15 - 16 tuổi phải học thuộc tập đó rồi đi khắp nơi, tới cả những hang cùng ngõ hẻm, truyền bá tư tưởng của Mao, triệt hạ kẻ nào dám chống đối.

Ngày 18.8.1966 mấy trăm ngàn Hồng vệ binh họp nhau ở Thiên An môn (Bắc Kinh) để tỏ lòng trung thành với Mao, rồi chia nhau thành đoàn đi khắp các tỉnh, vênh váo ra lệnh cho người lớn, dạy bảo hạ tầng người bằng tuổi cha ông chúng. Chúng thấy sách là đốt, vì sách nào cũng lạc hậu, nếu không phải là phản động, đồi trụy. Mới 4 - 5 giờ sáng, chúng đã cho máy khuếch thanh chạy oang oang, nhồi vào tai thiên hạ tư tưởng của Mao.

Các tiệm sách phải đóng cửa hết. Trong sáu năm liền không in một cuốn sách nào cả, trừ tập *Sách đỏ* của Mao và ít cuốn về kĩ thuật. Đúng là chính sách Tàn Thủy Hoàng thời xưa. Muốn kiếm một bộ *Tam*

Quốc hay *Thủy Hử* cũng không có. Trong các thư viện, người đọc sách chỉ được mượn những tác phẩm ngoại quốc đã được lựa chọn kĩ: Balzac, Dickens, Zola “những tác giả chứng nhân của thời đại mục nát, tan rã của giai cấp tiểu tư sản”. Gorki và MaïaKoski đứng hàng đầu vì họ ca tụng vô sản.

Người ta duyệt lại các giá trị văn hóa cũ của nhân loại: Shakespeare, Mozart, Beethoven, Bach bị đá kích; ngay Tolstoi, Hugo trước kia được coi là tấn bộ, nay cũng bị mặt sát.

Sáu năm sau (1972) mới bắt đầu cho in lại những truyện như *Hồng lâu mộng*, *Tam Quốc*, *Ba trăm bài Đường thi*... và bản dịch những cuốn *L'esprit des lois* của Montesquieu, *Histoire de la guerre de Péloponnèse* của Thucydide, *La critique de la raison pure* của Kant. Tức thì thiên hạ đổ xô lại mua, còn những tiệm bán sách của Mao, Marx, Lénine thì vắng teo (Alain Peyrefitte - *Quand la Chine s'éveillera* - tr 121).

Các đền đài, viện bảo tàng đóng cửa hết, có nơi dùng làm kho chứa rác, làm trại lính. Bảo vật, nhất là các tượng, bị phá hủy.

Dân chúng có đồ cổ, tranh cổ cũng phải chôn cất đi; bọn vệ binh lau nhau có thể vào đập phá. Những tàn tích của thời phong kiến lạc hậu đó, ai còn giữ thì là phản động. Phải xây dựng một xã hội hoàn toàn mới ma. Về sau bị báo chí phương Tây chê là không biết trọng di sản quý báu của dân tộc Mao mới sửa sai, cho khai quật một lăng tẩm của vua chúa đời Minh, được rất nhiều cổ vật, đem qua Tây Âu triển lãm để thế giới thấy rằng Mao không vong bản. Lúc đó, Mao

cần lấy lòng Tây phương để được vô Liên Hiệp Quốc (1971).

Đồng thời với công việc phá hủy đó, Mao bắt thị dân phải về nông thôn, sống với nông dân, làm việc với nông dân. Thật là một phong trào di cư vĩ đại. Ở Thiên Tân hơn 40.000 học sinh trung học và trên 10.000 sinh viên đại học về nông thôn. Nhưng tỉnh Giang Tây mới đáng làm kiểu mẫu : trên 720.000 người (130.000 cán bộ, giáo viên, y sĩ) về nông thôn, chia làm 12.000 đội sản xuất như nông dân. Các nhân viên hành chánh giảm xuống chỉ còn 1/5, còn 4/5 về nông thôn. Chỉ khổ cho các công xã nhân dân phải nuôi họ, kiếm chỗ ở, việc làm cho họ.

Các nhà bác học may mắn hơn còn được tiếp tục khảo cứu, nhưng không được ở thị trấn, gần thư viện, trong các “labo” (phòng thí nghiệm) nữa, cũng phải về đồng ruộng, hoặc vào các xưởng xem nông dân, thợ thuyền cần gì thì cũng tìm tòi với họ về cái đó.

Giáo sư Đại học phải đi hốt phân, đổ vào một xe “bù ệt” (xe một bánh) đẩy đi. Quách Mạt Nhược bảo : “văn minh phát từ phân mà ra, từ khi bọn du mục biết rằng phân cừu, phân ngựa của họ chôn xuống đất làm cho cây cỏ tươi tốt”. Họ Quách bác học và thông minh thật.

Các giáo sư chở phân ra ruộng đổ phân xuống ruộng rồi dùng hai bàn tay nhồi đất và phân cho thật đều, thật nhuyễn, để có sự hòa hợp mật thiết giữa đất và phân thì kết quả mới tốt. Có nơi còn tổ chức một cuộc tiếp đón linh đình, đủ kèn trống, cờ, biểu ngữ (không hiểu có múa lân không) để đón một ngàn xe “bù ệt” phân tới!

Có hốt phân thì mới là “hồng” cả “chuyên” nữa chứ và phải làm sao cho tụi trí thức “thấy sung sướng rằng mình không còn là trí thức nữa”, thì cách mạng mới thành công. (A Peyrefitte sách đã dẫn).

Chính Chu Ân Lai làm gương. Tồi đã thấy một tám hình, không nhớ ở sách báo nào, chụp Chu đẩy một chiếc xe bò chở đồ. Mặt ông bình tĩnh nhưng không tươi cười như khi ông tiếp khách ngoại quốc. Đúng là truyền thống từ đời Chu : thời xưa, đầu năm thiên tử ra ruộng, cày một luống để mở đầu công việc đồng áng cho dân; bây giờ đại thần (Chu) thay thiên tử (Mao); chỉ khác có thể thôi.

Mục đích của Mao là nghiền các giai cấp, trộn lộn làm một chỉ còn một thôi. Công việc của nông dân, thợ làm cũng được, và ngược lại, công việc của giáo sư, y sĩ, bác học... nông dân và thợ làm thay cũng được và ngược lại, công việc hốt phân, cày ruộng, đập sắt, xây nhà... nhà trí thức nào làm cũng được. Cũng là truyền thống nữa: Khổng Tử chẳng bảo từ 2.500 năm trước rằng “sĩ khả bách vi” (Kẻ sĩ tức hạng trí thức có thể làm được mọi việc) đấy ư ? Nhưng chính Khổng lại đáp Phàn Trì, một môn đệ của ông muốn xin ông chỉ cho nghề nông. “Ta không bằng một lão nông”, vậy là ông trọng sự chuyên môn, còn Mao thì muốn diệt cả sự chuyên nghiệp.

Các trường Đại học đóng cửa luôn 4 năm từ 1966 đến 1970, khi mở cửa trở lại thì rút từ 4 năm xuống còn 2 - 3 năm. Muốn được tuyển vào thì phải giỏi về ý thức hệ, phải thuộc và biết áp dụng tư tưởng của Mao, phải biết sống chung với dân chúng, phải có tinh thần phục vụ giai cấp vô sản.

Học hết trung học (trước 6 - 7 năm nay rút xuống còn 4 - 5), phải thực tập trung bình ba năm hoặc trong xưởng, hoặc ở đồng ruộng. Con nông dân, thợ thuyền, binh lính thì không buộc có bằng cấp gì cả.

Như vậy mới là đúng với lập trường giai cấp.

Chương trình học thay đổi hẳn : nhiều môn bỏ hoặc giảm (như sử học, văn học); có mấy môn thêm, như canh nông (lí thuyết và thực hành) văn hóa cách mạng... mà sinh viên ngành nào cũng phải học. Về canh nông, dĩ nhiên người ta đưa nông dân lên làm giáo sư; khổ cho họ (nông dân) chứ họ không cho đó là một vinh dự.

Hậu quả là sau cuộc cách mạng, tôn giáo bị dẹp, các chùa chiền, giáo đường Hồi và Ki Tô phải đóng cửa, báo chí bị rút giấy phép; các rạp hát trong toàn quốc chỉ còn diễn đi diễn lại 6 - 7 vở tuồng (trên một tổng số là 50.000 vở) mà vở *Bạch Mao nữ* (trang ở sau) được diễn nhiều nhất và quay phim. Vô số trí thức thất nghiệp, bỏ nghề. Họ không được đào tạo thêm; năm sáu năm sau, khi tình trạng bình thường trở lại Trung Hoa thiếu kĩ thuật gia một cách trầm trọng. Có tỉnh lớn bằng nửa nước ta mà trong giới lãnh đạo không kiếm ra được mười cán bộ có bằng cấp đại học; một nửa số cán bộ không hiểu nổi tài liệu của Đảng. Bộ chính trị, ủy ban trung ương Đảng không ai có bằng cấp cao. Trên số 11,3 triệu cán bộ thì 7 triệu bị đàn áp, non 2 triệu bị xử tử, nên phải tuyển thêm 20 triệu đảng viên.

Một số nhà văn bị nhục, phải tự tử như Lão Xá, hoặc phải trốn ra nước ngoài, còn đa số phải tự phê như Quách Mạt Nhược. Quách năm đó đã 70 tuổi, tuyên

bố : “Theo các tiêu chuẩn hiện nay, những gì tôi viết ra trước đây không có giá trị gì cả và đáng đem đốt hết... Nhờ nghiên cứu các tác phẩm của Mao chủ tịch, thợ thuyền, nông dân và binh sĩ viết hay hơn tôi”.

(Nhưng trước sau chúng ta có thấy một tác phẩm nào của ba giai cấp đó đâu).

Có lẽ Quách hơi ức nên dùng mấy tiếng hạn chế : “theo các tiêu chuẩn hiện nay”, và bọn vệ binh đỏ hiểu ý tại ngôn ngoại của “quân chủ bại”, là “tên văn sĩ phản động con đẻ của gia đình phong kiến”. Quách là Viện trưởng viện Khoa học nổi tiếng khắp thế giới, mà còn bị như vậy; thì Đinh Linh, Mao Thuần, đầu được tha. Ngay Chu Dương, người từ trước vẫn là phát ngôn viên của Đảng về văn hóa, mà cũng bị kết tội là mê say văn nghệ tư sản thế kỉ XIX, là phản cách mạng, đề cao Kroutchev, là “cáo già, chó sói, rắn độc” (Theo K.S Karol trong *La Chine de Mao* - Robert Laffont - 1966).

Báo chí Trung Quốc gần đây bảo cuộc cách mạng đó đã giết 20 triệu người, không biết nhà cầm quyền (Đặng Tiểu Bình và bộ hạ) có phóng đại để kết tội bọn tay sai của Mao, tức bốn tên : Vương Hồng Văn, Trần Bá Đạt, (thư kí của Mao), Trương Xuân Kiêu, Diêu Văn Nguyên (nên kể thêm Giang Thanh, vợ Mao nữa), tức bốn hung thần trong vụ cách mạng văn hóa không.

Một nhà báo Tây phương ví Mao với Tần Thủy Hoàng : Mao đáp : “Tần Thủy Hoàng chỉ giết có 460 kẻ sĩ. Còn tôi, tôi đã giết 46.000 tri thức, tôi hơn Thủy Hoàng cả trăm lần chứ!”.

Ngày nay Mao đã chết, chính sách của Mao đã bãi

bỏ, nhưng dù ghét Mao thì cũng chưa ai dám đập thân tượng Mao.

Rốt cuộc Mao chỉ muốn tố cáo, hại những kẻ thù của ông : Lưu Thiệu Kỳ, Đặng Tiểu Bình... nhất là Lưu, kẻ đã chiếm ngôi Chủ tịch Hội đồng Nhà nước của ông, nên phải tìm ra một lý thuyết mới : Cách mạng thường trực, mớm cho bọn con nít là vệ binh đỏ để chúng mặt sát, trừng trị bọn tay sai hoặc có cảm tình với Lưu ở các tỉnh, nhưng tuổi trẻ hàng quá, chỉ trong một tháng, từ giữa tháng 8 đến giữa 9 - 1966, chúng tố cáo lung tung, kết tội gần hết các nhà cầm quyền địa phương và bọn này phải phản ứng, cùng tổ chức Hồng vệ binh địa phương để diệt Hồng vệ binh trung ương, sinh ra loạn khắp nước nhất là ở Bắc Kinh, Vũ Hán, Thượng Hải, hai bên đâm chém nhau. Các nhà cầm quyền địa phương lại thừa dịp tách riêng ra, không chịu nhận mệnh lệnh trung ương nữa, muốn tự trị. Bắc Kinh vội vàng phải nắm lại bọn Hồng vệ binh, dùng quân nhân dạy bảo chúng, bắt chúng vào kỷ luật.

Chu Ân Lai cũng cảnh cáo chúng là chúng chỉ có nhiệm vụ lật đổ những kẻ chính phủ chỉ cho, chứ không phải là lật đổ chế độ.

Riêng thị trấn Thiên Tân, người ta đưa hàng vạn Hồng vệ binh về ruộng để được cải tạo, để bản nông dạy dỗ cho. Đến phiên chúng phải gánh phân, nhồi phân, trồng cái bẹ (món ăn chính của bình dân Trung Hoa cũng như rau muống ở Bắc Việt) Thế là hết nạn Hồng vệ binh.

Nhưng chúng ta nên công bằng : cách mạng văn hóa Trung Hoa có điểm đáng khen là nghiên cứu y học cổ truyền, nhất là khoa châm cứu, thực hiện cải thiện

phương pháp, thực hiện được nhiều tiến bộ, làm được một số giải phẫu mà khỏi phải dùng thuốc mê, thuốc tê, được người phương Tây khen và hiện nay môn đó bắt đầu phát triển ở vài nước như Pháp, Việt Nam...

*

* *

Tháng 10 - 1968 trong một buổi họp của Ủy ban trung ương đảng, Mao làm chủ tịch, người ta thừa nhận chính sách của Mao từ 1966 về cuộc cách mạng Văn hóa, và toàn thể đồng lòng đuổi vĩnh viễn tên “phản động” Lưu Thiệu Kỳ ra khỏi đảng, tước hết các chức vụ của Lưu ở trong và ngoài đảng, bỏ tù Lưu và sau Lưu chết thê thảm ở trong ngục vì bị hành hạ tàn nhẫn, vợ con không hay gì cả.

Qua đầu năm sau, tới phiên Đặng Tiểu Bình. Người ta dân ra những lỗi của Đặng trước kia, chẳng hạn Đặng báo : “Chủ tịch Mao tuyên bố năm 1962 rằng tình trạng kinh tế tốt đẹp; không nó xấu chứ không tốt đẹp” - “dân chúng thiếu ăn thiếu mặc, chúng ta tự tin quá, lừa gạt nhân dân quá”; - “một số đông nông dân đòi chia đất lại cho họ; họ không tin chính sách kinh tế tập thể”, - “cá thể hay tập thể, điều đó không quan trọng, quan trọng là tăng sự sản xuất thực phẩm; mèo trắng hay mèo đen, mèo nào bắt chuột là mèo ấy tốt”; - “Đa số các nhà tư bản Trung Hoa đều tay trắng làm nên nhờ nghị lực và tài năng của họ; lại Thượng Hải mà xem họ tổ chức xí nghiệp trung bình và nhỏ của họ ra sao”; - “Đối với bọn trí thức tiểu tư sản... thì lúc này ta cần tới họ, mặc dầu họ cầu nhau đi nữa, miễn là họ biết dạy, đó là điều quan trọng nhất”... Chủ

trương đó của Đặng hợp với đường lối của Lénine, Lénine khuyên phải học bọn tư bản và trí thức, ít nhất là trong buổi đầu. Vì vậy mà thời trước Đặng không bị “chỉnh”, bây giờ Đặng bị trục xuất, sở dĩ không bị hại như Lưu vì Đặng không có ý tranh quyền với Mao.

Sau cùng tới phiên Lâm Bưu. Lâm là bạn chiến đấu chí thiết của Mao, trung thành với Mao, theo triệt để đường lối của Mao, được Mao chọn làm người kế vị của mình. Vậy mà bỗng nhiên năm 1971 Lâm mất tích. Báo chí đưa ra tin Lâm với tám bộ hạ dùng một chiếc máy bay trốn qua Nga, chiếc đó bị nạn (đâm vào núi ?) ở Mông Cổ, tan xác hết... Mọi người nghi ngờ tin đó. Lâm cùng hòa một khúc với Mao, mặt sát chính sách “xét lại” của Nga thì qua Nga làm gì ? Người ta ngờ rằng Lâm đã bị Mao thủ tiêu. Vì Mao căm Lâm muốn hát mình khi đã nắm được quân đội miền Bắc thời Mao thất thế. Cũng chỉ là đoán phỏng vậy thôi. Việc đó hoàn toàn bí mật. Mãi năm sau mới có tin chính thức rằng Lâm bị trục xuất, thế thôi. Bị giam ở đâu hay bị giết rồi, không biết. ⁽¹⁾

Từ 1970, Mao nắm lại hết quyền hành nhưng uy

(1) Theo số báo Nhân dân (Hà Nội) tháng 7-1983 thì nhà Laffont ở Paris mới phát hành bản dịch một cuốn của Yao Mingle trong đó kể lại vụ Lâm Bưu bị Mao thủ tiêu bằng rốc két trong khi ngồi xe hơi trở về dinh sau bữa tiệc Mao đãi trong Cấm Thành. Vụ đó, Chu Ân Lai có nhúng tay vào. Vợ chồng Lâm Bưu tan xác vì Lâm muốn giết Mao, chưa kịp thì Mao ra tay trước. (NHL)
Gần đây các sách của Trung Quốc cho rằng Lâm làm phản, mưu đảo chính Mao. Cuộc tạo phản bất thành, vợ chồng, con cái và tay chân Lâm trốn thoát bằng phi cơ, đến Mông Cổ thì máy bay rơi, cả đoàn tùy tùng và vợ chồng Lâm đều tan xác. Có giả thuyết cho rằng máy bay rơi là do lệnh của Chu Ân Lai đã bàn trước với Mao Trạch Đông (BT)

tín đã sút nhiều, phải bỏ “nhảy vọt”, bỏ công xã nhân dân, bỏ cách mạng văn hóa vì đại đa số đều chống mà trở lại lối phát triển cũ. Nhưng kinh tế không tiến được mau vì thiếu kĩ thuật gia (họ chết nhiều mà không được đào tạo thêm); dân và cả đảng nữa thiếu tinh thần hăng say. Chính Mao cũng chán nản, buông xuôi để cho đảng theo đường lối cũ của Lưu Thiệu Kỳ (đã bị nhốt khám) dưới nhãn hiệu của Mao.

Qua năm 1971, đường lối quật hấn : diệt phe tả, xích lại Tây phương bắt tay Nixon (Mĩ), dả Nga nhiều hơn. Đại hội của đảng trao cho Chu Ân Lai quyền quyết định, vì Mao suy nhược về thể chất lẫn tinh thần. Uy tín của Chu lên, nhưng ông ta ôn hòa mà lại tròn trịa, không để cho Mao nghi kị, ông được lòng nhiều người, nhưng bị Giang Thanh và đồng bọn ghét, gọi ông là Khổng Tử (Khổng Tử bị Cộng sản dả dứ lắm). Ít lâu sau, Chu bị bệnh ung thư đường tiết niệu, khi mới biết nếu giải phẫu ngay thì có cơ cứu được, nhưng Giang Thanh chỉ muốn ông chết để bà dễ chuyên quyền, nên tìm mọi cách giữ y sĩ hoãn việc giải phẫu, đợi khi nguy ngập mới cho làm thì đã quá trễ, và Chu tắt thở tháng 1 - 1976. Bệnh liệt run của Mao lúc này đã nặng, khi tỉnh khi mê, Hoa Quốc Phong thay Chu Ân Lai làm thủ tướng nhưng Giang Thanh nắm hết quyền với bốn tên Vương Hồng Văn, Trần Bá Đạt, Trương Xuân Kiêu, Diêu Văn Nguyên tôi đã kể trên.

Mao chết tháng 9. 1976 xác được ướp. Các con trai của Mao đều bị Giang Thanh hãm hại, có người hóa điên. Mao chỉ có mỗi một người con gái với Giang Thanh, cô ta cũng bị mẹ bạc đãi.

Hoa Quốc Phong chỉ là con nuôi của Mao, quê ở

Sơn Tây, nhưng hoạt động ở Hồ Nam, được Mao đưa lên kế vị và được nhóm Diệp Kiếm Anh đưa lên làm chủ tịch Đảng (1976). Vậy triều đình của Mao không khác gì triều đình hủ lậu thời Quân chủ : hoàng hậu - Giang Thanh - ham quyền hành, muốn theo gót Từ Hi Thái Hậu; còn hoàng đế (Mao) thì bỏ ý thức hệ cộng sản mà trở về truyền thống cũ, truyền ngôi lại cho con, mặc dầu là con nuôi. ⁽¹⁾

*

* *

Mới đầu Hoa có ưu thế, đánh đổ “bọn bốn tên” mà cả nước ai cũng ghét, nhưng không động đến Giang Thanh.

Đặng Tiểu Bình được phục hồi danh dự từ 1973, làm phó thủ tướng, uy tín mỗi ngày một cao. Tháng 7. 1977, ông tranh quyền với Hoa, thắng, nắm trọn quyền. Năm sau đưa ra chiến lược “bốn hiện đại hóa” mà Chu Ân Lai đã đề nghị từ 1965, và lúc này đây, dân chúng các thành thị nhao nhao lên đòi thực hiện. Bốn hiện đại hóa đó là hiện đại hóa nông nghiệp; công nghiệp, quốc phòng, và văn hóa - khoa học - kĩ thuật. Chẳng có gì mới.

Chính sách kinh tế nhiều thành phần được khôi phục; bỏ tư tưởng chỉ đạo tả khuynh, cá thể hóa trở lại lao động của nông dân; mở cửa sang các nước tư bản Mĩ, Nhật... (sự thật Mao đã thân với Mĩ từ 1972

(1) Kim Nhật Thành, chủ tịch Bắc Triều Tiên, hiện còn sống, đã chỉ định một người con lên kế vị mình sau này. Có người mỉa là “chủ nghĩa xã hội kế thừa”. Mà chủ nghĩa dân chủ của Tưởng cũng kế thừa nữa, truyền ngôi cho con. Có lẽ không dân tộc nào ham ngôi vua bằng dân tộc Trung Hoa.

vì tổng thống Nixon ủng hộ Trung Hoa vào hội đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc thay Tưởng năm 1971); dùng vốn và kĩ thuật của Tây phương để kiến thiết. Theo báo *Nhân Dân* (Hà Nội), năm 1983, Hồ Diệu Bang biến Trại Giang ở gần Hương Cảng thành một đặc khu kinh tế, kêu gọi tư bản ngoại quốc đầu tư, sẽ giảm hoặc miễn thuế cho họ. Họ tính đầu tư một tỉ rưỡi Mĩ kim vào đó. Chuyên gia Trung Hoa từ các vùng khác sẽ tới đó học kinh nghiệm để về thử rồi tìm một con đường phát triển mới, mà họ gọi là xí nghiệp tư mà không có chủ nghĩa tư bản (private enterprise without capitalism). Họ hy vọng tới cuối thế kỉ tổng sản lượng nông nghiệp sẽ gấp bốn năm 1982. (Theo *Far Eastern Economic Review* 4/1983). Muốn vậy thì mỗi năm phải tăng lên đều đều 7% - 8% so với năm trước.

Bây giờ Đặng mới có cơ hội thực hiện chính sách cởi mở của ông từ 1968, chính sách đã làm cho ông mất địa vị, may mà không toi mạng. Ông đặt lại vấn đề hồng và chuyên (trọng chuyên hơn hồng) trọng thiết thực hơn lí thuyết.

Ông nhốt khám Giang Thanh, thanh trừng các đối thủ (như Mao thời trước). Chính sách của Mao bị bãi bỏ nhưng không ai dám phá thần tượng Mao. Phe Giang Thanh chủ trương cải cách văn hóa hình như còn khá đông, chỉ trích ông hoặc chống đối ông. Tình hình Trung Hoa năm 1983 còn lộn xộn lắm.

Ở Đài Loan, Tưởng Giới Thạch chết trước Mao (1975). Con là Tưởng Kinh Quốc vẫn theo đường lối của cha.

*

* *

Quốc Dân đảng và Cộng sản đảng đều thành công sớm nhưng không bền (Quốc : 1911 - 1912, Cộng 1925 - 1926); tiếp theo là một thời khoảng mười năm long đong (Quốc : 1913 - 1923 và Cộng : 1927 - 1937); rồi lên cầm quyền, tràn trề hi vọng (Q : 1928, Cộng : 1949); nhưng chỉ được mười năm đầu rồi lại suy loạn. Cả hai đảng đều do giới trí thức thành lập, tổ chức.

Nhân vật quan trọng trong Quốc Dân đảng hầu hết là thị dân, gia đình thương nhân ở Quảng Châu (môn đệ của Tôn Văn), hoặc người ở Thượng Hải, miền hạ du Dương Tử Giang du học ngoại quốc về (phe của Tưởng).

Những người theo Mao trái lại, cũng như Mao, đa số gốc nông dân ở Hồ Nam chỉ có một số ít đã xuất ngoại.

Quốc dân đảng suy từ khi dời lên Trùng Khánh (1939) nhờ đứng về phe đồng minh mà vượng lên được mấy năm, rồi không ngóc đầu lên được nữa vì không biết lo cải thiện đời sống nông dân, như Tôn Văn đã dặn. Cộng sản đảng tuy thuộc lời Tôn Văn đấy, nhưng từ khoảng 1960 cũng thất bại nặng vì muốn tiến mau quá, bắt dân phải hi sinh quá sức của họ. Hiện nay (1983) Đặng Tiểu Bình có vẻ như muốn làm theo đường lối kinh tế tự do của tư bản. Chúng tôi chỉ biết vậy thôi, chứ không dám tiên đoán gì cả. Từ nay đến cuối thế kỷ còn nhiều biến chuyển.

Tưởng và Mao đều sống giản dị, có nhiều nghị lực, kiên nhẫn nhưng đều ham quyền, độc tài, tự cao tự đại, không nghe lời khuyên cáo của ai cả. Tưởng nóng nảy, Mao bình tĩnh nhưng giả dối, thâm hiểm, hiếu sát. Cả hai đều có bốn vợ, đều truyền ngôi lại cho con;

Tưởng cho Tưởng Kinh Quốc (con vợ trước) Mao cho Hoa Quốc Phong (con nuôi). Họ là những con người mới mà không bỏ được truyền thống từ 2000 - 3000 năm trước.

Công của Tưởng là bắt đầu hiện đại hóa Trung Quốc, ít nhất là ở thành thị, xóa bỏ được các hiệp định bất bình đẳng, đưa Trung Quốc lên hàng ngũ cường, mặc dầu chỉ có danh chứ không có thực.

Công của Mao là xóa bỏ chế độ phong kiến (Tưởng cũng có một phần công này), cứu dân khỏi bị chết đói - tuy vẫn còn đói - giải cho nông dân khỏi bị tui nhục, khinh bỉ, và làm cho Trung Quốc thành một cường quốc thực sự, đứng thứ ba trên thế giới ⁽¹⁾. Không một dân tộc nào dám nuôi cái mộng diệt họ nữa.

Nhưng cách mạng Trung Hoa đã làm đổ biết bao máu ? Có người đoán là 50 triệu khoảng 1/10 dân số. Cách mạng nào mà không vậy ? Pháp, Nga, Algérie, Biafra, Pakistan...

Kinh tế :

Trong tiết này tôi chỉ tóm tắt vài điểm quan trọng về chính sách, mục tiêu, phương tiện và kết quả thôi. Tôi sẽ đưa ra rất ít thống kê và con số vì môn thống kê ở Trung Hoa chưa được chính xác lắm (chính họ nhận như vậy, nên đã nhiều lần sửa lại những con số đã đưa ra); vả lại những con số đó không cho ta một ý niệm gì cả vì theo chỗ tôi biết, chưa có sử gia nào so sánh những tiến bộ của Trung Hoa với những tiến

(1) Thời Mao làm cách mạng văn hóa, một số người Tây Âu coi ông là một thần tượng, muốn theo chủ nghĩa cách mạng thường trực tuyệt đối của ông. Nay họ đã bớt ngưỡng mộ ông ta.

bộ ở các nước khác như Âu, Mĩ, nhất là ở các nước được phát triển như Trung Hoa, chẳng hạn Ấn Độ, Miến Điện, Việt Nam.

Về kinh tế Trung Hoa bị những bất lợi là thiếu vốn, thiếu kĩ thuật gia, nhưng lại được những điểm lợi là hưởng được công trình của Nhật để lại ở Mãn Châu, với một cơ sở kĩ nghệ vững chắc, từ đó lan ra các miền khác, có một đảng mạnh, bắt buộc được dân phải hi sinh; sau cùng là được Nga giúp cho về vật chất và kinh nghiệm.

Như trên tôi đã nói, từ 1950 đến 1957 (hết kế hoạch năm năm đầu). Kinh tế tiến rất mau, trừ 1958 đến 1962, suy thoái vì chính sách nhảy vọt, từ 1963 lại bắt đầu phục hồi nhưng chậm, phải 7 năm mới trở lại được mức sống năm 1957. Vậy là từ 1957 đến 1970 Trung Hoa giậm chân một chỗ.

a. *Nông nghiệp* (hiểu theo nghĩa rộng là trồng trọt lúa, hoa màu, cả những cây kĩ nghệ nữa, như bông vải...).

Năm 1960 Trung Hoa có 110 triệu héc ta trồng trọt (1/12 diện tích) và 600 triệu dân, trung bình 1 héc ta cho 6 người dân làm vì thiếu đất máy móc, phân bón (Nhật dùng phân bón gấp 10 lần Trung Hoa), nên năng suất của nông dân rất thấp 1 người làm chỉ nuôi được 3 người bằng 1/12 của nông dân Mĩ.

Phương pháp canh tác không thay đổi, thiếu máy móc phải khai phá thêm đất đai, làm thêm nhiều công việc thủ lợi, nhưng tới 1970 Trung Hoa vẫn chưa đủ thực phẩm, phải mua thêm lúa của Úc, Canada 5 - 6 triệu tấn mỗi năm, giá vào khoảng 400 triệu Mĩ kim.

Việt Nam năm 1980 cũng như Trung Hoa, thiếu thực phẩm, Thái Lan, Miến Điện có dư để xuất cảng.

b. *Kĩ nghệ* :

Mao theo đúng lí thuyết kinh tế của Cộng sản : Chú trọng đến sự phát triển kĩ nghệ nặng trước hết vì hai lẽ :

- Kĩ nghệ nặng sẽ kéo theo các kĩ nghệ nhẹ giúp cho canh nông, như sản xuất phân bón, thuốc trừ sâu, máy cày, máy giặt...

- Mao muốn cho Trung Quốc thành một cường quốc, có khí giới tối tân nhất, nghĩa là ông muốn phát triển những kĩ nghệ chiến tranh, nhưng không cho biết đã thực hiện được những gì.

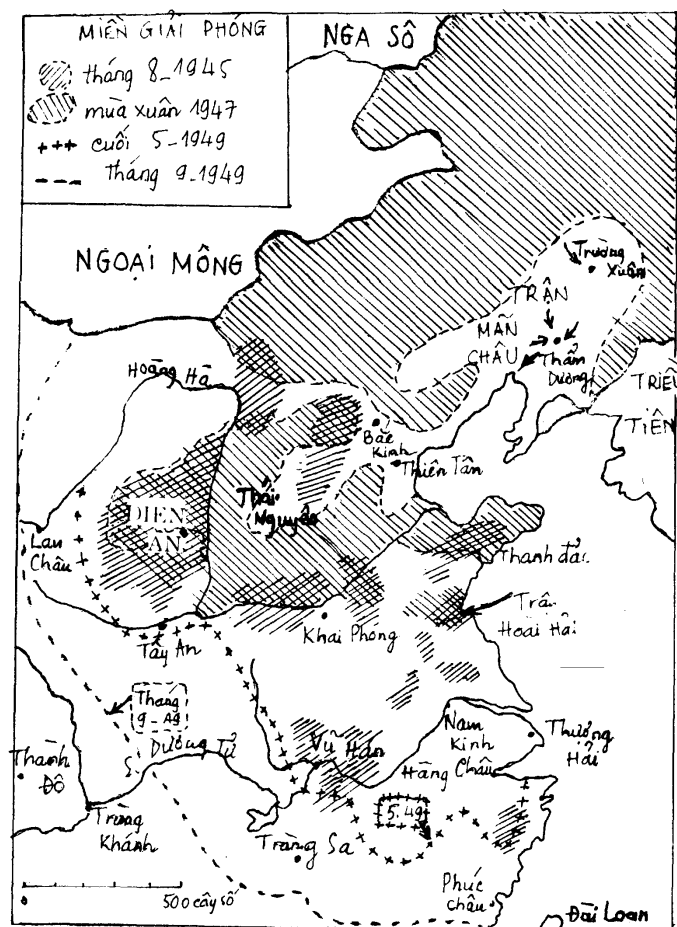
Tài nguyên thiên nhiên của Trung Hoa chắc là nhiều nhất châu Á, nhưng hình như kém xa Mĩ và Nga. Than đá khoảng 600 tỉ tấn, ở miền Bắc là chính; dầu lửa : 1700 triệu tấn ở Cam Túc, Tân Cương, Mãn Châu, chưa đủ dùng.

Khoáng sản có sắt, antimoine, bismuth tungstène, uranium thiếc, đồng, nhôm; trừ sắt ở miền Bắc, còn hết thấy đều ở miền Nam và Tây Nam khai thác khó.

Sau năm 1958 kĩ nghệ nhẹ cũng thụt lùi, nhất là từ khi Nga rút kĩ thuật gia về.

Nga năm 1950 cho vay 300 triệu Mĩ kim trả làm 5 năm, năm 1954 cho vay thêm 540 triệu rúp trả làm 8 năm; năm 1959 cho vay thêm 5 tỉ rúp trả làm 9 năm, nhưng Trung Hoa dùng một số lớn để giúp Bắc Hàn, Việt Nam, Mông Cổ, Cao Miên... gây uy tín với những nước đó.

Bản đồ nội chiến. (1946 - 1949)



c. Chuyên chở :

Phát triển nhất là đường xe lửa. Năm 1967 Trung Hoa có được 32.000 cây số xe lửa, nhiều nhất ở miền Tây Bắc (coi bản đồ). Đường xe hơi thì được 440.000 cây số, nhưng chỉ một phần tư là dùng được quanh năm. Kỹ nghệ xe hơi đã có từ 1956, và trong hai năm sau sản xuất được 16.000 cam nhông.

Họ ráng đóng tàu chạy trên sông và trên biển, chưa được bao nhiêu. Ngành hàng không chưa lấy lại được mức năm 1949.

d. Ngoại thương :

Thụt lùi nặng. Xuất cảng năm 1959, được 2.230 triệu Mĩ kim, năm 1962 còn 1.510 triệu, năm 1964 : 1670 triệu. Nhập cảng cũng vậy : Năm 1959, 2065 triệu, năm 1962 còn 1.160 triệu, năm 1964 1335 triệu.

Trung Hoa giao dịch với Tây phương mỗi ngày một tăng, với khối xã hội chủ nghĩa mỗi ngày một giảm.

e. Các công trình lớn :

Cũng việc đầu tiên là *chống lụt* Trung Hoa có 2.400.000.000 mẫu (mỗi mẫu vào khoảng 750 thước vuông) có thể trồng trọt được, mà chỉ có 1.470.000.000 (non 2/3) đã thành ruộng. Cần nhiều công trình thủy lợi để khai thác những chỗ còn bỏ hoang.

Công trình thủy lợi lớn nhất là cánh đồng sông Hoài. Năm 1949, miền đó bị lụt lớn, cả triệu dân đói, nên chính quyền bắt tay vào liền, huy động bốn triệu dân đắp đê đào kinh khai thông khắp miền bị lụt, vậy là từ 1955 đến nay, cứu được cả triệu dân khỏi bị nạn. Phải đắp ba cái đập ngăn nước các sông nhỏ chảy vào,

tạo mười cái hồ lớn giữa nước vét lòng sông... đáng kể là một công trình vào hàng lớn trên thế giới.

Sông Hoàng Hà là cái họa từ thượng cổ của dân tộc Trung Hoa. Mấy ngàn năm trước đã có vài ông vua nghĩ cách vét sông mà không đắp đê nữa. Vì đắp đê mà không vét sông thì mỗi ngày lòng sông dâng cao lên, cao hơn mực đất trong đồng, có chỗ (Sơn Đông) tới 7 thước bề võ một khúc đê nào là tai hại cho dân không sao kể xiết, hơn nữa, dòng sông thay đổi, theo một hướng khác. Từ khi có sử tới bây giờ, nó đã đổi dòng 24 lần, khi thì đổ vào Bột Hải như ngày nay, khi thì chảy về phía Nam, đổ vào Hoàng Hải như năm 1954. Trung bình cứ 10 năm vỡ đê bốn lần, mà mỗi lần vỡ đê thì có cả triệu người chết.

Mao Trạch Đông quyết tâm chế ngự nó. Ông tính từ 1957 đến cuối thế kỷ xây 46 cái đập từ thượng lưu tới hạ lưu thành một cầu thang cao 850 mét dài 3.600 cây số, xây cất nhiều cửa nước (écluse) để thuyền, tàu đi lại được (vì mùa khô lòng sông cạn, không chở được thuyền). Tới lúc đó thì một cánh đồng hoang thổ (eloess) rộng bằng nửa nước Pháp sẽ còn không bị lụt nữa, rất phì nhiêu. Có người đã bảo : “Nếu chính quyền nước Cộng hòa Dân chủ chỉ làm được bấy nhiêu thôi, thì cả dân tộc Trung Hoa sẽ mang ơn cả ngàn năm sau rồi! Nhưng các nhà chuyên môn cho rằng công trình đó khó có kết quả như ý mà rất tốn kém. Hoàng Hà là con sông có nhiều phù sa nhất thế giới (trung bình 1.600 triệu tấn mỗi năm). Phải làm nhiều công trình kiến trúc đào kinh, đào ham trong núi để tháo nước trong các hồ chứa nước phía trên các đập cho thật

mau nếu không thì phù sa sẽ lắng xuống, chỉ một hai chục năm là đập không dùng được nữa.

Nay Mao Trạch Đông đã chết công trình đó sẽ được tiếp tục không ?

Miền sông Dương tử cũng được sửa chữa lại đê, đào thêm kinh đưa nước vô ruộng.

Muốn giảm nước lũ thì phải *trồng lại rừng*. Cộng sản tính trồng lại 4 khu rừng ở Đông Bắc và miền Trung. Có khu dài 1100 cây số rộng 300 cây số. Dọc bờ Hoàng Hải cũng sẽ trồng 600 cây số rừng để ngăn bão.

Kinh Hồng Kì. Để đưa nước vô miền Linhsien (?)⁽¹⁾ người ta bắt một con sông phải đổi dòng, chui qua một dãy núi, rồi chảy vào một lòng sông nhân tạo đục và xây ở sườn núi. Công việc hoàn toàn bằng tay người dân trong miền, không dùng máy móc, cũng không nhờ tới kĩ sư. Người ta tính phải dùng cả trăm ngàn dân làm trong mười năm, để đào 1.500 cây số kinh, phá núi, dời, xây 134 đường hầm, 150 cống nước (aqueduc) chuyển 16 triệu thước khối đất và đá. Có thể dùng máy, nhưng Mao không muốn. Các du khách ngoại quốc tới coi đều ngạc nhiên, cho là Mao điên, không hiểu rằng ông muốn để hậu thế nhớ bài học của ông : hễ có tinh thần tin tưởng, cương quyết thì không công việc gì loài người không làm được. Bài học đó chính là bài học Ngu Công dời núi của Trung Hoa thời xưa, bài học của Tần Thủy Hoàng, của các Pharaon (vua) thời cổ Ai Cập.

(1) Vụ đào kinh này, tôi chỉ thấy Simon Leys kể trong cuốn *Ombres Chinoises* xuất bản năm 1975. Các sách khác không nói tới. Không biết công trình đó đã thực hiện xong chưa.

Cầu Nam Kinh

Con đường xe lửa từ Bắc xuống Nam, tới sông Dương Tử vẫn phải đứt quãng, để qua phà. Năm 1968 Mao cho xây cầu Nam Kinh dài 1.600 thước, có hai bản cầu (tablier) một cho xe lửa, một cho xe hơi. Chín cột cầu phải xây trên những thùng (Caisson) rất lớn bằng bê tông cốt sắt, thả xuống đáy sông (cầu Doumer từ Hà Nội qua Gia Lâm xưa cũng dùng những thùng đó nhưng nhỏ hơn vì sông Nhị Hà chỗ đó cạn). Các kĩ thuật gia Âu Mỹ đều bảo phải dùng máy để thả thùng xuống, dùng sức người thì sẽ thất bại. Mao không nghe, dùng không biết bao nhiêu dân và làm được, mặc dầu gặp rất nhiều khó khăn, suýt thất bại. Ông ta dám nghĩ, tìm một lối mới, dám hành động, và coi thường mạng người.

Bom hạch tâm.

Đây là thành công lớn nhất của cộng sản. Năm 1959 Nga không chịu chỉ cho Trung Hoa cách chế tạo bom hạch tâm. Mao quyết tâm làm lấy, kêu hai nhà bác học chuyên về hạch tâm ở Mỹ về. Hai nhà này còn trẻ (Tchen Ninh Lang, Tsung LaoLee) được giải thưởng Nobel về vật lí. Bốn năm sau (1964), họ thử trái bom đầu tiên, thành công. Dân tộc Trung Hoa rất hãnh diện. Từ đây không dân tộc nào ăn hiếp họ được nữa.

Năm 1970 họ đã có vệ tinh nhân tạo. Hiện nay lực lượng hạch tâm của họ chỉ thua Mỹ và Nga thôi.

Ngoại giao

Chính sách ngoại giao của nước nào vào thời nào cũng thay đổi như chong chóng, sớm đánh tối hòa, nay thù mai bạn. Tôi chỉ có thể ghi vài nét chính thôi.

Nga - Hoa

Stalin vốn không ưa Mao, cho cộng sản của Mao là thứ cộng sản giả hiệu (communism à la morganine). Nhưng khi thấy Mao đuổi được Tưởng đi, uy tín phe Cộng tăng lên mạnh, thêm được 5 - 6 trăm triệu dân nữa, phe tư bản do đó yếu thế đi, tất nhiên Staline mừng, thừa nhận ngay chính phủ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và giúp Mao khá nhiều.

Mao giúp Bắc Triều Tiên đánh Mỹ và Nam Triều Tiên, giúp Việt Nam đánh Pháp, đánh Mỹ. Năm 1954, thế của Trung Hoa càng tăng, sau Hội nghị về Việt Nam (Genève) Mao giúp Ấn Độ; năm 1955 ở hội nghị Bandoeng, Trung Hoa muốn lãnh đạo các nước chậm phát triển ở Á, Phi, tuyên bố : "Trung Hoa sẽ không chiếm một thước đất của một nước nào" Năm 1956, Chu Ân Lai đi thăm mười nước Á châu, và thủ tướng các nước Cao Miên, Lào, Mã Lai... lại Bắc Kinh đáp lễ.

Staline chết. Kroutchev lên thay, chỉ trích Staline là độc tài, hiếu sát, tự tạo cho mình một thần tượng...; rồi Kroutchev thay đổi chính sách, cởi mở cho dân một chút, hòa hoãn với Tây phương; Mao chê Kroutchev là theo chủ nghĩa "xét lại" không theo đúng Mác - Lê Kroutchev chê lại bước nhảy vọt, công xã nhân dân của Mao, năm 1957 Nga đã hứa giúp Trung Hoa chế tạo bom hạch tâm, năm 1959 nuốt lời hứa... những việc xảy ra đó, việc nào là nguyên nhân chính sự bất hòa Nga - Hoa từ 1960 đến nay ? Không ai biết được, chỉ thấy tháng 8 - 1960 :

- Nga rút 500 (có sách nói 1000) kĩ thuật gia về, mới bắt đầu xây cầu Nam Kinh thì bỏ dở.

- Hoa bắt tất cả các sinh viên đang học ở Moscou phải về nước;

- Trong hội nghị các nhà nghiên cứu phương Đông ở Moscou, không một học giả Trung Hoa nào dự.

- Các lãnh quán Nga ở Trung Hoa đóng cửa hết;

- Nga giảm xuất cảng sắt, thép qua Trung Hoa để chuyển qua giúp Ấn Độ.

Và từ 1963, hai nước anh em đó viết bài mạt sát nhau kịch liệt. Mao tự cho mình mới theo đúng đường lối chính truyền. Kroutchev hỏi Mao dùng nông dân và tiểu tư sản làm cách mạng quốc gia thì chính truyền ở chỗ nào ?

Kroutchev bảo có thể tránh chiến tranh toàn diện, sinh tử với tư bản được, vì nếu có chiến tranh như vậy thì cả hai bên đều chết. Mao chê như vậy là ý chí cách mạng tiêu tan rồi, là sợ con “cọp giấy” (Mĩ) cho rằng Trung Hoa dù có chết một nửa số dân vì chiến tranh hạch nhân thì vẫn còn ba trăm triệu người. Kroutchev bảo Mao hiếu chiến, gây gỗ, nguy hiểm.

Hoa - Mĩ

Nhưng kẻ thù số 1 của Trung Hoa trong thời đó là Mĩ. Mĩ chiếm Đài Loan, ủng hộ Tưởng Giới Thạch, cho một hạm đội mạnh đi tuần ở bờ biển Trung Hoa, Mao không yên tâm được; Mĩ đánh bại Bắc Triều Tiên và Trung Hoa; Mĩ không cho Mao vô Liên Hiệp Quốc thay Tưởng Giới Thạch. Mĩ giúp Ngô Đình Diệm, rồi đem quân qua đánh Mặt trận Giải phóng miền Nam muốn làm chủ bán đảo Đông Dương; nếu làm chủ thì sẽ bao vây Mao ở phía Đông (Đài Loan, Nam Triều Tiên) và ở phía Nam.

Khoảng 1971 - 1972 Mĩ - Hoa bỗng kết thân với nhau, làm cho cả thế giới chưng hửng. Họ thỏa thuận với nhau về Đông Dương rồi ư ? Thỏa thuận ra sao, không ai biết. Rồi có hiệp định Paris năm 1973 giữa Bắc và Nam Việt, hai bên đình chiến, Mĩ rút hết quân về. Sau đó Bắc và Nam Việt lại choảng nhau đầu tháng 5 - 1975, Bắc chiếm hết Nam. Mĩ uất hận. Trung Hoa cũng vậy. Đầu 1979 Trung Hoa rút hết kĩ thuật gia ở Bắc Việt về, kêu gọi Hoa kiều ở Việt Nam về và tấn công biên giới Bắc Việt. Bất lợi (Đặng Tiểu Bình tự nhận là thất sách) ủng hộ Pol Pot (cộng sản Cao Miên) chống lại Việt Nam. Việt Nam phải nhờ Nga giúp. Thế là Nga - từ 1905, trong chiến tranh với Nhật, đã biết hải cảng Cam Ranh tốt vào hàng thứ nhì trên thế giới - Viện trợ cho Việt Nam kĩ thuật gia, quân sự gia, khí giới, tiền bạc v.v... và có được một căn cứ quân sự tối quan trọng ở Đông Nam Á.

Mới mấy năm trước Trung Hoa là ân nhân của Việt Nam. Việt Nam nhờ viện trợ của Trung Hoa và Nga trong hai chục năm mới đuổi được Pháp, Mĩ, nay coi Trung Hoa là kẻ thù số 1 (Mĩ là kẻ thù số 2). Có gì bí mật trong vụ đó.

Đồng thời Trung Hoa kết thân với Mĩ, nhờ Mĩ giúp để hiện đại hóa cho. Nga ghét Mĩ mà cũng ghét Hoa nữa dĩ nhiên, nhưng năm 1982 lại tỏ vẻ thân thiện với Trung Hoa, phái sứ giả qua ve vãn Bắc Kinh để phá tình hữu nghị Hoa Mĩ chăng ? Bắc Kinh đưa những điều kiện mà Nga không thể nhận được. Còn Mĩ tuy thân với Trung Hoa mà vẫn giúp đỡ, che chở, bán khí giới tối tân cho Đài Loan. Thật rắc rối.

Tương lai bán đảo Đông Dương sẽ ra sao ? Người

ta bảo thời đại chúng là thời đại dân làm chủ. Người dân Trung Hoa, Nga, Mĩ, Việt Nam... có hiểu nguyên nhân những vụ thân và thù, thù rồi thân của chính phủ mình với chính phủ các nước khác không? Không hiểu được đường lối của chính phủ thì làm *chủ* cách nào? Nhà xã hội học Pháp Raymond Aron bảo tất cả các chính quyền dân chủ hiện nay đều là giả dối (hypocrite) hết.

Các nước Á châu

Nhật Bản.

Mao trước kia muốn kéo Nhật Bản về với mình, nhưng đảng Cộng sản Nhật không mạnh, nên Mao không thành công. Gần đây Mĩ và Hoa thân thiện với nhau, Nhật theo Mĩ, cũng thân thiện với Trung Hoa của Đặng Tiểu Bình, (có màu sắc tư bản một phần rồi), nhưng hai bên chưa hợp tác chặt chẽ. Nhật chỉ lo phát triển kinh tế thôi, có lợi thì họ giúp, mà hiện chưa thấy có lợi gì nhiều Trung Hoa hứa cung cấp dầu lửa cho họ nhưng không giữ được lời vì sản xuất còn ít.

Tây Tạng

Năm 1954, Ấn và Trung Hoa thân thiện với nhau, kí một hiệp ước thương mại và văn hóa về Tây Tạng. Ấn nhận Tây Tạng là thuộc Trung Hoa và bỏ hết quyền của Anh ở Tây Tạng mà Ấn tự cho là được thừa hưởng. Vậy là Ấn nhượng bộ nhiều, và Trung Hoa làm chủ lại ở Tây Tạng, cải tạo xã hội để chuyển lần qua xã hội chủ nghĩa. Nhưng năm 1959, dân Tây Tạng nổi lên ở Lhasa, Mao đàn áp dữ dội, Đạt Lai Lạt Ma chạy trốn qua Ấn.

Năm 1962, Trung Hoa chiếm miền tây Tây Tạng mà Ấn bảo của Ấn, Hoa bảo của Hoa, biên giới miền

đó khó định được rõ. Sự thực thì Tây Tạng, dân chúng về chủng tộc Hoa hơn gần Ấn, đất đai cũng vậy, mà về tôn giáo, tinh thần thì rõ ràng là chịu ảnh hưởng đậm của Ấn.

Trung Hoa tiến tới Assam, Ấn hoảng hốt, chống cự, la lớn, cả thế giới chú ý tới, phe thì bên Ấn, phe thì bên Hoa. Trung Hoa nhượng bộ rút vội quân về. Từ đó hai bên cãi cọ nhau trên một chục năm, chẳng đưa tới đâu. Rồi nó chìm lặn, người ta quên đi. Miếng đất đó hoang vu, gần như không có dân, không đáng cho họ tranh nhau.

Mãn Châu

Năm 1950, Nga nhận Mãn Châu thuộc Trung Hoa và con sông Hắc Long Giang ở phía bắc làm biên giới giữa Nga - Hoa. Hai nước tính hợp tác nhau để làm những công trình thủy lợi, tránh lụt cho các miền hai bên bờ. Nhưng từ khi hai nước hục hặc với nhau thì cả hai bên cùng đem quân lại đóng đồn hai bên bờ dòm ngó nhau, thỉnh thoảng nã súng sang nhau, cũng như ở biên giới Bắc Việt Nam hiện nay.

Ngoại Mông

Từ thời Nga hoàng, năm 1913, Nga đã viện cớ Mông Cổ loạn lạc, đem quân lại dẹp, cho Mông Cổ tự trị, nhưng cắt ra một phần gọi là Ngoại Mông, do Nga kiểm soát, mặc dầu vẫn nhận rằng nó phụ thuộc Trung Hoa (hiệp định 1923).

Từ 1924, Ngoại Mông thuộc hẳn về Nga, thành một nước Cộng hòa Xô Viết, thần phục Nga. Kinh đô là Oulan Bator. Ngoại Mông được Nga giúp đỡ, chỉ bảo, che chở, cũng có sứ thần ở các nước xã hội chủ nghĩa như Việt Nam chẳng hạn. Trung Hoa không hi vọng

gì chiếm lại được. Đó là một cơ cho Nga - Hoa xích mích với nhau.

Châu Phi và Châu Mĩ La Tinh.

Năm 1955 Chu Ân Lai dự Hội nghị các nước Á, Phi chậm tiến ở Bandoeng, gặp Nasser. Một năm sau, Trung Hoa và Ai Cập lập quan hệ ngoại giao với nhau. Trong vụ Ai Cập lấy lại kinh Suez, Trung Hoa tận tình giúp Ai Cập về tiền bạc và còn đề nghị đưa chí nguyện quân qua nữa. Từ khi Trịnh Hòa thám hiểm Ba Tư, Châu Phi ở thế kỉ XV (dời Minh) tới nay, Trung Hoa mới lại quan tâm tới Châu Phi.

Nhờ giúp Ai Cập mà uy tín Mao Trạch Đông tăng lên ở các nước Ả Rập. Trong hai năm 1957, 1958, Trung Hoa và các nước Syrie, Yemen, Soudan, Irak, Maroc... thăm viếng lẫn nhau, kí các hiệp ước thân thiện với nhau. Thời đó cChâu Phi sùng sục lên, Algérie đòi lại chủ quyền cho các thuộc địa cũ ở châu Phi. Các thực dân khác ở châu đó cũng lần lần theo Pháp. Không có thời nào thuận tiện cho Cộng sản bằng, nhất là cho Trung Hoa, vì đường lối cách mạng của Mao thích hợp với các nước nhược tiểu hơn đường lối của Nga. Các nước đó không cần làm cách mạng vô sản; Cần phản đế, phản phong kiến trước đã, như Trung Hoa, như Việt Nam vậy.

Mà chính các nước ở Phi Châu cũng rất phục Trung Hoa, ưa Trung Hoa da vàng hơn là Nga da trắng. Mao nắm lấy cơ hội, đưa cán bộ, kĩ thuật gia và tung tiền vào các cựu thuộc địa, giúp Algérie, Mali, Ghama, Guinée, Tanganika, Tchad, Madagascar...

Cán bộ Trung Hoa sống giản dị, gần gũi với dân da đen hơn người Âu, mà không hiểu tại sao họ thất

bại, lần lần phải rút về nước. Ngay các sinh viên da đen qua Bắc Kinh học ít năm rồi cũng không ưa nổi người Trung Hoa. Có thể vì Trung Hoa cũng có óc kì thị, khinh thường người da đen; mà cũng có thể người da đen thấy Trung Hoa nghèo quá (nhất là nữ sinh viên da đen ở Bắc Kinh càng thấy rõ tình trạng đó), không giúp đỡ được nhiều, không rộng rãi như thực dân da trắng, nên đâm chán họ.

Thất bại ở châu Phi, Trung Hoa quay qua *Châu Mĩ La Tinh* : Haiti, Paraguay, Guatemala, Salvador, Honduras, Uruguay, Colombie, Argentine, Brésil... ở các nước đó, họ không tuyên truyền chính trị, chỉ lo thương mại nhưng cũng không thành công, mặc dầu ở vài nơi, có sẵn một số Hoa kiều, từ vài ba ngàn tới 50.000 (Pérou).

Chỉ có Cuba, từ hồi Fidel Castro cầm quyền là thân thiện với Trung Hoa hai bên trao đổi đại sứ với nhau, thương thảo lập đường điện tín trực tiếp từ Thượng Hải tới Havana. Sở dĩ được vậy vì Cuba cũng là một nước Cộng sản ghét Mĩ. Nhưng hiện nay Trung Hoa thân thiện với Mĩ, mà Cuba thân với Nga thì tình Cuba - Trung Hoa ra sao ?

Xích mích Nga - Hoa

Đọc những trang trên, chúng ta đã thấy Nga và Trung Hoa có nhiều lí do dễ xích mích với nhau, ngay từ thời Staline.

1. *Xích mích về đường lối* : Staline theo đúng học thuyết Marx, dùng thợ thuyền để làm cách mạng; Mao Trạch Đông cho như vậy không hợp với hoàn cảnh Trung Hoa, một nước nông nghiệp, chưa có kĩ nghệ, lực lượng thợ thuyền rất yếu, nếu ông phải dựa vào

nông dân để làm cách mạng và ông thành công. Thực ra cuộc cách mạng của Trung Hoa chủ yếu là để diệt phong và phần đế cũng như cuộc cách mạng Việt Nam, công là của toàn dân mà nông dân đông nhất; tới đại đa số dân chúng vì ái quốc mà theo Mao chứ không vì học thuyết Marx. Khi thành công rồi, Mao mới chuyển nó thành cách mạng xã hội, sau một giai đoạn quá độ rất ngắn : 3 năm giai đoạn *Tân dân chủ* (1949 - 1952). Vì công của giai cấp thợ thuyền rất nhỏ nên đã xảy ra vụ ngược đời này : trong một làng nọ, các bần nông xử 26 người Cộng sản và khai trừ bốn tên. Nhưng nông dân vẫn còn tinh thần tư hữu, không ưa chế độ tập thể, nên đảng phải dạy chính trị cho họ hoài, chỉnh phong họ thường.

Staline chê Mao Trạch Đông là theo cơ hội chủ nghĩa, Mao chê lại Staline là theo giáo điều chủ nghĩa; và ngày nay ai cũng nhận rằng đường lối của Mao rất hợp với các xứ thuộc địa muốn giành lại độc lập, rằng Mao đã có công Hoa hóa chủ nghĩa Marx.

Trong tập "*Nhật kí 1942 - 1945*" (Sách đã dẫn), Vladimirov cho ta thấy rõ sự nghi kị, ghét ngầm nhau giữa Staline và Mao. Mao biết Vladimirov do thám cho Staline nhưng ngoài mặt phải niềm nở tiếp, mà ra mặt lệnh cấm cán bộ của mình giao du với cán bộ của Nga.

Ở Diên An thời đó có hai phe (không kể một nhóm lưng chừng) : phe theo Mao gồm Khang Sinh, Trần Bá Đạt... phe theo cộng sản chính thống (theo Nga) gồm Vương Minh, Bác Cổ... Mao rất ghét Vương Minh muốn đầu độc Vương nhưng không thành; rồi năm 1943 Mao làm một cuộc chỉnh phong để diệt phe theo Nga. Một

phần năm đảng viên bị khai trừ, một số bị giết, một số tự tử.

Khi nào Staline thua Hitler, Mao tỏ vẻ khinh Staline ra mặt; nhưng về sau Nga thắng, Mao lại ve vãn Staline để xin viện trợ. Trước sau Mao vẫn muốn gần Mĩ hơn để xin vũ khí, chuẩn bị cho cuộc nội chiến, và có lẽ cũng để giảm bớt ảnh hưởng của Nga ở Viễn đông; dùng cho nó hơn ảnh hưởng của Mĩ. Điều đó dễ hiểu : Trung Hoa có chung biên giới Đông Bắc với Nga còn Mĩ thì ở xa. Lại thêm tinh thần dân tộc của Mao rất mạnh. Staline biết vậy, cho nên có cảm tình với Tưởng, ủng hộ Tưởng cho tới khi Tưởng bị Mao đánh bại.

2. *Xích mích về ý thức hệ thời Kroutchev.* Kroutchev tố Staline là độc tài, tàn nhẫn, nên đổi Stalingrad thành Vogograd. Mao không ưa hành động đó của Kroutchev có lẽ chính vì Mao cũng độc tài. Kroutchev lại muốn hòa hoãn với tư bản, Mao cho như vậy là phản Marx, theo chủ nghĩa xét lại, là không tưởng, là sợ con cọp giấy Mĩ.

3. *Xích mích về quyền lợi, đất đai.* Khi cách mạng Nga thành công, Lénine tuyên bố trả hết đất mà Nga hoàng đã chiếm của Trung Hoa. Điều đó không biết có thực hay không, tôi chỉ biết Nga đã xé bỏ hết các hiệp ước bất bình đẳng kí với Trung Hoa, nhưng vẫn giữ những đất Nga hoàng đã chiếm được ở Ngoại Mông, Mãn Châu, Trung Hoa ức về điều đó và hai bên thường gây với nhau ở biên giới Mãn Châu (bên bờ Hắc Long Giang), đóng đồn gồm nhau, lâu lâu nã súng vào nhau.

4. Theo tôi, lí do quan trọng nhất là trên một thế giới, nhất là thế giới cộng sản, *không thể có hai mặt*

trời được. Mao tự cho là tài hơn Staline, thành công hơn Staline mà Trung Hoa đất tuy hẹp hơn, nhưng dân đông hơn Nga. Mao phái Chu Ân Lai dự hội nghị Bandoeng là có ý lôi cuốn những nước nhược tiểu Á, Phi về với mình và ông cho rằng đường lối cách mạng của ông mới thích hợp với các nước đó. Mao gây ảnh hưởng ở Albanie (Đông Âu), gửi các phái đoàn qua giúp các nước Châu Phi mới thu hồi được độc lập, rõ ràng là muốn tranh thế lực với Nga. Ông “nhảy vọt”, lập công xã nhân dân để tỏ rằng Trung Hoa vượt được Nga, đáng lãnh đạo phong trào cộng sản trên thế giới. Ông thất bại, Nga mỉa ông, ông càng tức. Bây giờ Trung Hoa, xích về phía Mĩ, cũng là để mau hiện đại hóa mà vượt Nga.

Xã hội

a. *Dân số.* Từ thời Tần, hiện tượng dân số tăng mau vẫn là mối lo của nhà cầm quyền Trung Hoa. Hai ngàn năm trước Malthus, Hàn Phi đã báo một gia đình có 5 người con thì qua thế hệ sau, 5 người con đó lại sinh mỗi người 5 người con nữa, thành 25 người. Thực ra sinh con nhưng chưa chắc đã nuôi được hết. Ngoài bệnh tật ra, còn những thiên tai, chiến tranh nữa làm giảm bớt số dân đi. Hiện nay, theo các thống kê, dân số Trung Hoa tăng khoảng 2% mỗi năm (Việt Nam cũng vậy, các nước Âu châu khoảng 1%).

Năm 1953, Trung Hoa kiểm kê dân số, được 602 triệu, trong số đó 7.591.000 ở Đài Loan.

Tăng lên 2% mỗi năm, thì năm nay 1982, dân số Trung Hoa tới 1 tỉ (dân số trên thế giới là 4,6 tỉ và mỗi năm Trung Hoa phải nuôi thêm khoảng 20 triệu dân, thật là một gánh nặng cho nhà cầm quyền.

Năm 1950, chính quyền khuyến khích sự sinh sản, cấm ngặt thói giết con, nhất là con gái : nhận nước, bỏ ở lề đường, liệng cho heo ăn, hoặc bán con; và cho rằng nạn nhân mãn là một hiện tượng ở xã hội tư bản, không do thiếu thực phẩm để nuôi dân, mà do tổ chức xã hội không công bằng. Mao muốn cho dân Trung Hoa càng đông càng có nhiều cánh tay để sản xuất nhiều linh để ra trận.

Nhưng chỉ 4 năm sau (1954), Mao đã thay đổi ý kiến, thấy dân số tăng mau quá, sản xuất khó theo kịp, nên phát động chiến dịch hạn chế sinh đẻ. Ba năm sau, ông ta ra lệnh “Kiểm soát sinh đẻ”. Từ khi thất bại về bước nhảy vọt, rồi bị ba năm mất mùa liên (1959 - 1961) ông bảo dân dùng những phương pháp ngừa thai, khuyến khích sự phá thai, sự tuyệt tử chủng (stélisation) sự chậm chạp lập gia đình (con trai : 30 tuổi, con gái 25 tuổi).

Nhưng dân chúng ít người theo, kết quả không được bao nhiêu. Từ 1968, lại phát động phong trào : mỗi gia đình có hai con là vừa đủ. Chính phủ dùng những biện pháp mạnh : ở vài thị trấn những gia đình có 3 con thì vợ chồng có thể bắt buộc phải sống xa nhau, mỗi người làm mỗi nơi, cách nhau cả mấy trăm cây số, không được sống với con, không cho nhà ở, chồng phải sống tập thể với đàn ông, vợ với đàn bà. Lấn này có kết quả, nhưng chậm. Và tới cuối thế kỉ, Trung Hoa có thể có tới 1,5 tỉ dân. ⁽¹⁾

(1) 1983 Mới có tin chính phủ T.H lệnh mỗi cặp vợ chồng chỉ được có một con thôi, nhiều gia đình con đầu lòng là gái thì nhận nước nó chết để chờ sinh con trai. Nếu thi hành chính sách đó thật gắt thì tới năm 2.000 dân số sẽ đứng lại ở khoảng 1 tỉ, nhưng tôi chắc những người mẹ sinh liên ba đứa con gái trở lên sẽ thác loạn tình thần, có thể tự tử. Rồi từ năm 2.000 dân số sẽ xuống mạnh; lúc đó dân tộc T.H sẽ suy nhược (và phải đối phó với nhiều vấn đề rắc

Dân thiểu số ở Trung Hoa được khoảng 35 triệu, 6% dân toàn quốc; một số miền Nam như người Miêu ở Hồ Nam, Thái ở Vân Nam... một số ở miền núi hoặc nửa sa mạc tại Tây Bắc, như người Mông Cổ Mãn Châu, Hồi Hột, Tây Tạng... Trung Hoa khác hẳn Nga, không cho những dân thiểu số có quyền tự quyết, phải bỏ tinh thần dân tộc hẹp hòi đi mà thống nhất với người Hoa, như vậy cũng hợp lí vì từ thời quân chủ, họ đã sống chung với người Hoa, đã Hán hóa khá nhiều rồi. Nhưng theo Hiến pháp 1954, họ được tự trị, có được 200 ghế ở quốc hội, được khuyến khích giữ ngôn ngữ và vài hình thức tổ chức xã hội của họ.

Hoa kiều ở hải ngoại được khoảng 12 triệu, nhiều nhất ở Đông Nam Á (3,5 triệu ở Thái Lan; 2,8 triệu ở Mã Lai và Singopore, 1,6 triệu ở Indonésie; 0,8 triệu ở Đông Dương) làm ăn phát đạt, tiến bộ về kiến thức, vẫn hướng về tổ quốc, một số theo Cộng, một số theo Quốc. Bắc Kinh đối với họ có thái độ khôn khéo, hiểu biết, kiên nhẫn, vì còn chính phủ Quốc Dân đảng ở Đài Loan thì còn cần giữ tình cảm của họ.

Từ 1950 đến 1955 có phong trào nông dân di cư ra thành thị, và dân thành thị tăng lên từ 10 đến 15% số dân trong nước. Trong thời công xã nhân dân, số đó còn tăng mau hơn. Vào khoảng 1965, có 100 triệu dân ở các thị trấn, với khoảng 30 thị trấn trên nửa triệu dân, và 13 thị trấn trên 1 triệu dân. Chính quyền

rồi : gái thiếu, trai thừa, người già nhiều quá, thành một gánh nặng cho người trẻ...) Hiện nay sinh suất của dân tộc Pháp là 1,3 (nghĩa là trung bình mỗi gia đình chỉ có 1,3 đứa con thôi) mà họ đã lo cái nạn suy nhược và thiếu người làm những việc nặng nhọc bằng tay chân, phải dùng nhiều lao công Algérie. Trong khi đó thì dân số Nga vẫn tăng đều đều...

gắng phân tán các xí nghiệp, công xưởng về nông thôn, kĩ nghệ hóa làng mạc để hạn chế sự di cư đó.

Chế độ đại gia đình đương suy tàn rất mau, một phần vì sự kĩ nghệ hóa, một phần vì sự truyền bá ý thức hệ cộng sản, sự ban hành luật mới về hôn nhân.

Đời sống của dân

Xét chung thì xã hội Trung Hoa có công bằng hơn hồi xưa ít nhiều, giai cấp thấp nhất đỡ đói rách, bị ức hiếp, hạng bản cổ nông không còn, hề siêng năng thì đủ ăn nhưng các cán bộ cao cấp thì vẫn sung sướng, được ưu đãi, đặc quyền rất nhiều, mức sống rất cao.

Đảng luôn luôn xen vào đời tư của cá nhân, bóc lột giới lao động để kiến thiết quốc gia, nhất là trong thời nhẩy vọt và công xã nhân dân, bắt họ phải hi sinh triệt để cho đảng, nhưng đảng cũng cho họ hưởng được an ninh xã hội tùy theo khả năng của quốc gia; lập nhiều đường đường, nhà nuôi người già (từ 1951), nhà nuôi trẻ em, nhà nghỉ mát... như vậy có lợi cho dân mà cũng có lợi cho chính phủ.

Chính phủ rất quan tâm tới giáo dục, nhất là giáo dục chính trị, giáo dục thương nghiệp. Nạn mù chữ năm 1966 chưa diệt xong nhưng số học sinh đã tăng lên mau :

Niên khóa 1952 - 1953	1959 - 1960
Ở tiểu học 51 triệu	90 triệu
Ở trung học 3,145 triệu	12,900 triệu
Ở đại học 194.000	810.000.

Như vậy tiểu học tăng lên gấp hai, trung và đại học tăng lên gấp 4 trong 7 năm.

Các trường kĩ thuật tăng lên ít hơn : năm 1952-53 : 636.000 học sinh, năm 1957-58 (5 năm sau) : 785.000 học sinh.

Chính phủ cộng sản tiếp tục công việc của Quốc dân đảng, thử dùng mẫu tự la tinh để thống nhất cách phát âm các chữ theo giọng Bắc Kinh, bắt toàn quốc phải dùng cách đó, đem dạy ở tất cả các trường tiểu học, kết quả chưa đáng mừng, vì còn gặp nhiều khó khăn.

Mặt khác, chính phủ cũng giản dị hóa lối viết (tức như viết tắt) của một ngàn chữ nhiều nét quá.

Không kể thời nhảy vọt và Công xã nhân dân, nông dân, thợ thuyền phải làm việc quá sức, có lòng oán chính phủ, còn những thời bình thường thì đời sống của họ được bảo đảm hơn thời Quốc dân đảng. Năm nào mất mùa thì họ cũng đói, nhưng chắc là không chết nhiều như xưa. Mỗi năm họ cũng được bán cho ít vải xanh lam, toàn dân dùng một màu đó.

Rất ít thịt cá, nhưng gần có đủ gạo để ăn với cái bẹ mà họ trồng khắp nơi, mỗi năm bốn mùa. Cũng như ở nước ta, sự phát gạo đáng gọi là công bằng : người lao động nặng thì được 20 kí lô một tháng; người làm việc trí óc được ít hơn; người không còn sức lao động, ít hơn nữa. Trung bình thì mỗi người cũng được 2.000 calo thực phẩm một ngày (ở phương Tây, phải 3000 - 3500).

Hạng cán bộ đảng viên được ưu đãi. Một đảng viên trong nhà máy vợ làm ở hợp tác xã, có một mẹ già, hai con được một căn nhà gần đủ tiện nghi tối thiểu : bếp, cầu tiêu, có đèn điện, máy khâu thanh, thỉnh thoảng được phát sữa, thịt... như vậy là tiến bộ hơn thời trước.

Cũng có cảnh chợ trời như ở Nga thời trước, ở nước ta bây giờ, nhưng đa số là trẻ em đứng bán vì không bị cảnh sát đánh đập, bắt bớ, chỉ xua đuổi đi thôi, cảnh sát đi rồi chúng trở lại.

Những nạn hối lộ, cho vay nặng lãi, nợ đời cha tới đời con, nhất là cái tệ nghiện thuốc phiện, nếu chưa

triệt được hẳn thì cũng giảm nhiều rồi. Xã hội lành mạnh hơn. Rất ít người thất nghiệp, ở không.

Con cái họ được nâng đỡ, học tới trung học, đại học, nếu đủ tư cách, mặc dầu trong khi học, có hồi phải chịu nhiều thiếu thốn. Có trường hợp, sinh viên đại học ở Bắc Kinh đói, phải xin thực phẩm và quần áo của sinh viên ngoại quốc (đa số là châu Phi, châu Á), vì tiêu chuẩn của người ngoại quốc cao hơn của họ nhiều, gấp bốn, gấp năm; đó là chính sách chung của các nước xã hội chủ nghĩa.

Tôi nhắc lại, đó là trong thời bình thường, không bị thiên tai, lụt, hạn hán... và ở những miền trung bình, không nghèo không giàu. Tại Cam Túc, một tỉnh rất nghèo, thời Tưởng Giới Thạch, dân mặc toàn áo vá, ăn thì chỉ có cơm với muối, không biết đời sống của họ đã được cải thiện phần nào chăng ?

Sau bước nhảy vọt, kinh tế suy sụp, lại gặp ba năm đói kém liền, năm 1961, có chỗ (Tràng Sa ở Hồ Nam) dân đói quá, phải ăn cỏ, đánh cướp xe chở rau cho cán bộ. Mỗi người dân chỉ được phát 6 tấc tây (tức 2 thước Trung Hoa) vải mỗi năm đủ để vá quần áo. Sinh viên Bắc Kinh ba năm liền không được ăn thịt, có lần ba tháng liền không có gạo, phải ăn khoai, bắp. Học bổng của họ là 10 viên (bằng 20 quan Pháp) một tháng, còn sinh viên ngoại quốc được 100 viên, bằng lương viện trưởng, gấp hai rưỡi lương giáo viên. Nội trú đại học bắn kinh khủng. Trong thời đó, ở Bắc Kinh người nghèo đi lượm đồ phế thải của ngoại nhân (Để viết trang này tôi dùng tài liệu của Fernand Gigon và E.J. Hevi - coi mục lục sách tham khảo ở cuối).

Dân Trung Hoa có hạnh phúc không ?

Người Âu nào du lịch ở Trung Hoa về cũng được bạn bè hỏi người dân Trung Hoa có sung sướng không?

Sung sướng hay không là tùy tâm lí, cá tính của con người hơn là tùy ở hoàn cảnh, nên câu hỏi đó gần như vô nghĩa.

Dân tộc Trung Hoa có đặc tính là yêu đời, vui vẻ, không ủ rũ, mà cũng không lạnh lùng như dân tộc Anh chẳng hạn. Bertrand Russell, một triết gia Anh qua thăm Trung Hoa năm 1920, kể lần ông đi thăm cảnh ở Tây Hồ ở Hàng Châu. Hôm đó trời nắng gắt, bọn phu khiêng kiệu cho ông leo những đường dốc hiểm trở để lên một ngọn núi, thấy họ hỏn hển, gắng sức, cực khổ mà ông thương hại. Nhưng khi tới ngọn rồi, họ đặt kiệu xuống, nghỉ một lát để thở. Tức thì họ quây quần lại, lấy ống điếu ra hút, cười nói vang lên như đời họ hạnh phúc lắm, không phải lo lắng gì cả. Bertrand Russell khen họ. Lỗ Tấn mỉa ông ta: "Tôi không biết ông ấy muốn nói gì. Tôi chỉ biết một điều là nếu những tên phu đó biết đau đớn về thân phận của mình thì Trung Hoa đã thoát khỏi cảnh điêu đứng từ lâu rồi."

Han Suyin, trong cuốn *Un été sans oiseaux*, cũng than thở cho cảnh những phu khiêng kiệu cho các quan lớn và khách ngoại quốc mà leo dốc Trùng Khánh và cũng thấy chính bọn phu đó hề tới nơi là tụ họp để chuyện trò, nuốt một cục xái thuốc phiện.

Lâm Ngữ Đường trong *The importance of living* bảo nhờ có tinh thần Lão Trang đó, trong cảnh nào họ cũng tìm được cái vui, mà dân tộc ông mới không bị bệnh thần kinh như người Tây phương và tồn tại tới ngày nay mặc dầu trải biết bao nỗi gian truân. Để đói rồi mới ăn thì thức gì cũng ngon như nem công chả phượng, lời đó đúng.

Bình dân Trung Hoa cũng như bình dân các nước kém phát triển khác, không đòi hỏi gì nhiều: hễ có cơm cho đủ no bụng, có áo để đủ che thân, mà không bị bắt bớ tra hỏi, thì họ cho là sung sướng rồi. Họ không cần có mấy trâu thanh, mấy ti vi, ngay đến khi đau ốm, họ cũng không cần thuốc ngoại quốc, uống bậy bạ vài thứ cây cỏ trong vườn, nếu không hết bệnh mà có chết thì họ cũng không oán trách ai, chỉ cho là tại số. Như vậy, ta có thể đoán rằng dân Trung Quốc thời Mao Trạch Đông rất sung sướng, trừ những năm Mao "nhảy vọt" và lập công xã nhân dân. Vì trong những năm đó, Mao đòi hỏi họ nhiều quá: bỏ miếng đất riêng của họ, bỏ cả vợ con nữa, làm việc như mọi, năm này qua năm khác để xây dựng một xã hội mà họ thấy không khác gì một trại lính, một ổ ong hay ổ kiến vĩ đại.

Tâm lí của họ sau hai mươi năm bị Mao Trạch Đông nhồi sọ cả ngày lẫn đêm, cơ hồ không thay đổi gì cả. Ngay đức số 1-theo Hồ Chí Minh - của con người Xã hội chủ nghĩa, tức đức *chí công vô tư*, bỏ cá nhân chủ nghĩa, bỏ tư hữu đi, chỉ nghĩ đến lợi ích chung. Nông dân thì sản sóc trăm thước vườn riêng của mình rất siêng năng⁽¹⁾ mà lơ là với ruộng chung của hợp tác xã, thiếu nữ ở thành thị thì kén chồng phải có "ba quay" (San chuan): đồng hồ, xe đạp, may may. Tôi không biết thiếu nữ ở Nga kén chồng ra sao nhưng báo chí Tây phương bảo phụ nữ Nga muốn có căn nhà riêng ấm cúng cho vợ chồng với đầy đủ tiện nghi, chứ không ưa đời sống tập thể; họ lại thích làm công việc

(1)Phần đất vườn phát cho họ làm riêng chỉ bằng 5% số vườn ruộng trong nước mà lại sản xuất được 25% thực phẩm cho toàn quốc.

bếp nước hơn là làm thợ trong xưởng, cũng phẩn son, dầu thơm, nhạc, tiểu thuyết, phim Tây phương...

Bản tính con người có thể thay đổi được. Nhà nhân chủng học Margaret Mead đã thấy ở Thái Bình Dương một bộ lạc mà đàn bà y như đàn ông ở các nước văn minh, còn đàn ông thì cũng yếu đuối làm những công việc nhẹ trang điểm y như đàn bà... bản tính đàn ông đàn bà ngược hẳn lại.

Vậy cái mà chúng ta gọi là bản tính không phải do thiên nhiên mà do con người, do xã hội tạo ra, nhưng phải lâu lắm, cương quyết trong vài trăm năm, năm mươi thế hệ liên tục, không gián đoạn. Mà ở Nga, sau khi Staline chết, cách mạng mới được non bốn chục năm đã hơi thay đổi rồi, chính sách đã bị Kroutchviev "xét lại" còn ở Trung Hoa Mao Trạch Đông mới thực sự cầm quyền được mười năm sau khi công xã nhân dân thất bại, Lưu Thiệu Kỳ cũng không theo Mao nữa, phải cởi mở cho dân, như vậy thì làm sao có thể thay đổi tâm lý, bản tính của dân được ?

Tháng 12. 1982, có tin Đặng Tiểu Bình, năm 1969 bị Mao xử tội. Mao có lý khi chủ trương cứ 10 năm phải làm lại cách mạng văn hóa cho tới 1000 năm. Nhưng việc đó không sao làm được. Thế giới thay đổi hoài chứ. Đặng nay lãnh đạo Trung Hoa đã xé bỏ hiến pháp 1954 của Mao, đưa ra một hiến pháp mới được Quốc hội chấp nhận cho dân được tự do tín ngưỡng, tự do ngôn luận, tự do chỉ trích chính phủ, tự do hội họp... (tôi chưa rõ kinh tế được tự do tới mức nào). Đặng và Đảng đã xích lại gần tư bản Tây phương, cách mạng vô sản đã biến thành cách mạng tiểu tư sản chăng ? Sự nghiệp của Mao Trạch Đông còn gì nữa đâu ?

Brejevnev ở Nga chết rồi, Andropov lên thay chức Tổng bí thư Đảng (1982), cả hai đều muốn sống chung hòa bình với Mĩ, nhiều nước xã hội chủ nghĩa, chư hầu của Nga ở Đông Âu, hai chục năm nay vẫn thân thiện với phe tư bản Âu, Mĩ, muốn - nhưng có lẽ còn ngại Nga - phát triển kinh tế theo lối tư bản. Theo điệu đó thì qua thế kỷ sau, rất có thể cộng sản chỉ còn phơn phớt hồng, thành một thứ như đảng xã hội của Mitterrand ở Pháp. Marx và Hegel cho rằng có luật chính (thèse) rồi phản (antithèse) sau cùng là hợp (synthèse). Sắp tới lúc hợp rồi chăng ? Như vậy đáng mừng cho nhân loại.

Văn học

Tôi không xét về khoa học, khảo cổ học, kiến trúc, họa... vì tất cả các ngành đó không phát triển được bao nhiêu trong thời 1950 - 1976. (năm Mao chết) và đều bị chính trị chi phối; phải theo truyền thống cách mạng, theo chủ nghĩa duy vật biện chứng, phải thực tế, hiện thực phục vụ nhân dân v.v.. (Coi *La Chine* của Roger Lévy - PUF).

Dưới đây tôi chỉ tóm tắt những điểm chính về đường lối và thực hiện văn học Trung Cộng trong cuốn Văn học Trung Quốc hiện đại, tập II của tôi, xuất bản năm 1969.⁽¹⁾

Tôi xét tiếp về hai giai đoạn sau :

Thời chống Nhật và thời nội chiến (1938 - 1949).

Năm 1937, sau vụ Tưởng Giới Thạch bị bắt cóc ở Tây An mặt trận thống nhất Quốc - Quốc thành lập để kháng Nhật. Năm sau, hiệp hội *Trung Hoa toàn*

(1) N.X.B Văn Học, tái bản năm 1993 (B.T)

quốc văn nghệ giới kháng địch cũng thành lập một cách chính thức. Lão Xá, một cây bút hơi thiên tả được cả tả lẫn hữu tín nhiệm, bầu làm chủ tịch. Quách Mạt Nhược mới ở Nhật về, Mao Thuần, Ba Kim phụ trách cơ quan chính của hội là tạp chí *Kháng chiến văn nghệ* xuất bản ở Trùng Sa sau dời lên Trùng Khánh.

Tuyên ngôn của hội :

“Cần thiết thực đi vào nhân dân, cần ra mặt trận để phát động quần chúng, động viên binh sĩ, lực lượng văn nghệ phải hòa với tiếng súng, nhất tề đánh vào lưng quân thù”.

Nhiều nhà văn hăng hái ra tiền tuyến, kích thích tinh thần kháng chiến của nhân dân, an ủi chiến sĩ. Họ diễn thuyết, soạn kịch, diễn kịch, viết tiểu thuyết làm bài ca ái quốc. Một số người có tài văn sáng tác được những tác phẩm có giá trị, như Mao Thuần, Ba Kim, Lão Xá, Thẩm Tông Văn, nhưng xét chung, vì mục đích, họ cần viết mau, cho nên không khỏi có những tác phẩm viết theo công thức, thiếu nghệ thuật.

Tuy là Quốc Cộng hợp tác, nhưng cộng vẫn ở Diên An, theo đường lối riêng. Năm 1938, Mao nêu lên “phương hướng nông công binh” : văn nghệ sĩ phải phục vụ giới lao động tức nông dân, công nhân, binh sĩ, phải đề cao cuộc đấu tranh của lao động...

Mao lại phân tích quan hệ giữa tiêu chuẩn chính trị và tiêu chuẩn nghệ thuật : “Bất kì giai cấp nào trong xã hội cũng luôn luôn lấy tiêu chuẩn chính trị làm đầu, tiêu chuẩn nghệ thuật là thứ yếu”.

Đó là chủ trương *hồng* phải quan trọng hơn *chuyên* về lĩnh vực văn nghệ.

Mao nhấn mạnh vào điểm này : văn nghệ không

được lãnh đạo chính trị mà phải phục tùng chính trị của vô sản.

Phục vụ cách nào ? Quần chúng Trung Hoa cũng như quần chúng Việt Nam thời tiền chiến, đại đa số còn thất học, và chỉ thường thức được câu ca dao, tuồng hát bội và truyện lịch sử, kiếm hiệp. Thơ và kịch của Quách Mạt Nhược, tiểu thuyết và tạp văn của Lỗ Tấn, mặc dầu viết bằng bạch thoại, họ cũng không hiểu nổi, nói chi đến những sáng tác của các văn sĩ chịu ảnh hưởng nhiều của Tây phương. Vì vậy Mao bảo phải trở về những “hình thức sáng tác của dân tộc”. Tất nhiên những hình thức Mao muốn nói đó không phải là những thể thơ luật, phú, biền ngẫu, mà là những thể ca dao, tuồng đời Nguyên, đời Minh.

Chẳng những đa số nhà văn phe hữu mà cả một số trong phe tả cũng thấy tình trạng đó có hại cho văn học, nghệ thuật.

Mao lại bảo phải tiếp thu văn hóa dân tộc truyền thống để làm kinh nghiệm khi sáng tác. Tiếp thu không có nghĩa là “*phục cổ*” mà phải phê phán trong cái số vốn cũ đó, phần nào hủ bại thì bỏ, phần nào có tính cách dân chủ, cách mạng thì giữ.

Nhưng các văn hào, thi sĩ đời Đường, Tống làm sao có những tư tưởng, tác phong luôn luôn đúng với đường lối Mác - Lê được, cho nên cộng sản một mặt tiếp thu nghệ thuật của họ, một mặt cảnh giác, nhắc nhở hoài rằng họ bị giai cấp và thời đại hạn chế, vẫn có ít nhiều khuyết điểm mà ta phải nhận định cho đích xác.

Rồi sau cộng sản chẳng cần cẩn thận như vậy, cứ giải thích ngược lại rằng những điểm trước kia họ coi

là trái với đường lối của họ. Thực ra không phải là khuyết điểm mà là ưu điểm, rất hợp với đường lối mới. Cho nên, trước họ chê Lí Bạch là lãng mạn tiêu cực thì nay khen là lãng mạn tích cực, nghĩa là lãng mạn mà có tính cách phản đối xã hội đời Đường. Còn như *Hồng Lâu Mộng* của Tào Tuyết Cần, đầy rẫy những đoạn tả tình ủy mị giữa Giả Bảo Ngọc và cô em họ Lâm Đại Ngọc, trong một gia đình phong kiến sa đọa, thì được họ đề cao là có tính cách hiện thực, phản phong tích cực, đề cao sự giai cấp đấu tranh. Khiến cho Du Bình Bá, tác giả bộ *"Hong lâu mộng nghiên cứu"* rất nổi tiếng, chỉ vì không theo đúng chỉ thị của Đảng, cứ giữ ý kiến rằng *Hồng Lâu Mộng* chỉ là tự truyện của Tào Tuyết Cần, chỉ diễn tư tưởng "sắc không" của nhà Phật, chứ chẳng có tư tưởng cách mạng gì ráo, mà bị mạt sát là phải nhận lỗi, hứa sẽ học tập thêm, cải thiện lần lần.

Thật là họ nói xuôi nói ngược gì cũng được hết. Con ngựa họ bảo là con dê thì người cầm bút cũng phải gọi là con dê.

Trong thời kháng Nhật và thời nội chiến này, phía Cộng có hai tiểu thuyết gia khá nổi tiếng : Đinh Linh và Triệu Thụ Lí đều theo đúng lí thuyết của Mao.

Đinh Linh là tác giả truyện *Thái dương chiếu tại Tang Can hà thượng*, viết về chiến dịch cải cách điền địa mà tôi đã giới thiệu ở trên (tr.619).

Triệu Thụ Lí cũng được một giải thưởng văn chương của đảng cộng sản, được đảng đề cao vì nội dung lành mạnh, lời văn bình dân. Tác phẩm chính của ông là truyện *Tam lí loan*, viết sau 1949, tả sự chống đối của nông dân trong việc thành lập hợp tác xã nông nghiệp;

rốt cuộc, nhờ tận tâm và khéo léo, cán bộ khắc phục được bọn phản động, và cả làng hợp nhau, quyết định vô hợp tác xã hết.

Thời kì chia hai (1949 - 1970).

Ngay từ khi chưa thống nhất xong Hoa lục, chưa thành lập chính phủ Cộng hòa nhân dân, Mao Trạch Đông đã mở cuộc Đại hội văn nghệ lần thứ nhất, vào tháng 7 - 1949 sau đó mở thêm hai đại hội nữa.

Năm 1949, trên 800 văn nghệ sĩ đủ các ngành đến dự để nghe Mao giải thích đường lối sáng tác. Cũng vẫn là đường lối trong cuộc tọa đàm ở Diên An năm 1942 chứ không có gì khác.

Trong thời kì này có nhiều cuộc chỉnh phong (sửa lại cho ngay tác phong của nhà văn) mà nhẹ nhất là vụ *Hồng lâu mộng* và hai cuộc thanh trừng vĩ đại : Cuộc *Trăm hoa đua nở* và cuộc *Cách mạng văn hóa* đã kể rõ ở trên...

Mới đầu còn có một vài nhà văn trong đảng lên tiếng. Can đảm nhất và cũng có tài nhất là *Hồ Phong*. Ông gửi lên Ủy ban trung ương đảng một tập điều trần dài tới 300.000 chữ(!) giọng rất mạnh mẽ, cho rằng chính sách văn nghệ của Mao là *"nắm lưỡi dao đâm vào đầu óc nhà cầm bút"* vì :

- bắt nhà văn phải phục vụ nông, công, binh;
- bắt họ phải cải tạo tư tưởng;
- bắt họ phải nhận sự lãnh đạo của Đảng;
- bắt họ phải dùng những "hình thức dân tộc";
- bắt văn nghệ phải lệ thuộc chính trị;

Họ bị chụp mũ là mật vụ Quốc dân đảng, bắt giam và truất hết quyền công dân.

Vụ thanh trừng đó chỉ là cá nhân. Vụ trăm hoa đua nở mới là thanh trừng tập thể.

Sau vụ này văn nghệ sĩ mất hết tinh thần, không sáng tác được gì nữa, vì phải theo những công thức đã vạch sẵn.

Trước hết, không được bị quan, đã là nghệ thuật thì theo quan niệm Cộng sản Trung Quốc phải luôn luôn lạc quan. Truyện nào cũng phải có hậu : hễ là chống Nhật thì Nhật luôn luôn phải thua; hễ là nông dân chống địa chủ thì luôn luôn nông dân phải thắng; công nhân chống với chủ thì chủ luôn luôn phải nhượng bộ, nếu muốn sống.

Đã chủ trương lạc quan thì tất nhiên không chấp nhận bi kịch.

Mà hài kịch cũng không được hoan nghênh, vì châm biếm ai bây giờ ? Nông công binh cũng còn nhiều tật nhỏ đấy, nhưng phải thân ái sửa sai, hướng dẫn họ, chứ sao lại châm biếm ?

Trong xã hội chỉ còn 4 hạng người : hạng đã giác ngộ, không hủ hóa được, tức đa số các cán bộ (họ nghĩ vậy); bọn cũng đã giác ngộ nhưng đôi khi còn lầm lẫn, tức một số cán bộ và đa số quần chúng; bọn chưa giác ngộ nhưng còn cải hóa được, tức bọn trung nông, tiểu tư sản ở thành thị, bọn trí thức; dưới cùng là bọn hoàn toàn xấu : cựu địa chủ, tay sai của Quốc dân đảng.

Người cầm bút khi tả những hạng người đó thì nhất định phải đề cao tinh thần hạng thứ nhất, phải cho độc giả thấy hai hạng giữa thế nào cũng được Đảng dắt về con đường chính mà thành người tốt; còn bọn cuối thì thế nào cũng bị trừng trị xứng đáng. Xây dựng

tiểu thuyết hay kịch mà không nắm vững công thức đó thì bị chỉnh liến.

Tóm lại là mỗi nhân vật phải được sắp vào một giai cấp, mang “nhân hiệu” của giai cấp; tả hạng A thì phải dùng những nét trong bảng này, tả hạng B thì phải dùng những nét trong bảng kia... khỏi phải suy nghĩ, phân tích.

Khốn nỗi, viết như vậy thì mười truyện như một, chán quá mà vẫn có thể bị chỉnh là “xem nhẹ phần quan trọng của đặc điểm và kỹ xảo trong sáng tác nghệ thuật...”, kết quả là thủ tiêu nghệ thuật”, là tôn trọng giáo điều. Thế thì biết làm sao bây giờ ? Công việc làm văn nghệ thật khó như đi trên dây, chỉ nghiêng qua bên này hay bên kia một chút là vỡ sọ.

Vì vậy mà những nhà văn lớp cũ, có uy tín rồi, như Tào Ngưu, Ba Kim, Quách Mạt Nhược... thời này bớt sáng tác. Nhưng, “một đội ngũ văn nghệ vô sản lớn mạnh xuất hiện”. Nông dân, thợ thuyền đua nhau sản xuất, thi đua văn nghệ, lượng rất đáng kể mà phẩm chẳng có gì. Có còn hơn không.

Tới cuộc cách mạng Văn hóa thì như chúng ta đã biết, văn nghệ chết đứng luôn. Không tác phẩm nào được in nữa, kể cả những tác phẩm của Mao Thuần, Đinh Linh, Lão Xá, thơ của Ngải Thanh (học ở Pháp về) dạy học ở Diên An, được sắp vào hàng đầu các thi sĩ Cộng sản.

Rốt cuộc là trong thời này văn nghệ Trung Hoa chỉ có rất nhiều dân ca : hàng trăm vạn bài mà Quách Mạt Nhược và Chu Dương thu thập rồi chọn lọc, thành tập “*Ca dao cò đỏ*”, với lời giới thiệu “Đây là Quốc phong mới của thời đại xã hội chủ nghĩa (...) ca tụng

tổ quốc, ca tụng đảng và ca tụng lãnh tụ (...), nội dung và phong cách rất mới, đến ba trăm bài kinh Thi cũng phải thua xa". "Ca tụng lãnh tụ", vậy là tôn thờ cá nhân sao ?

Về ca kịch thì người ta sửa lại kịch *Bạch mao nữ* được giải thưởng Staline năm 1952, cho Hỉ Nhi tức Bạch mao nữ, người con gái tóc hóa trắng vì trốn một địa chủ tàn ác, phải vào núp trong một hang sâu suốt mấy năm thành một nữ anh kiệt, tinh thần chiến đấu rất cao, không chỉ chửi suông bọn địa chủ như nguyên bản, mà còn gia nhập Hồng quân để phục vụ cách mạng.

Cộng sản Trung Hoa hãnh diện về kịch đó lắm, năm 1973 (?) còn đem diễn ở Pháp.

Guillermaz, sau khi giới thiệu văn học Cộng hòa Nhân Dân Trung Hoa (trong *La Chine populaire*) kết luận :

"Vậy Trung Hoa đã bỏ văn hóa truyền thống mà không tạo được một văn hóa vô sản như họ tin tưởng (...). Người ta ước mong rằng khi thoát khỏi cuộc khủng hoảng hiện nay (1967), khối phải giải quyết những lo lắng cấp bách nhất về vật chất, Trung Hoa sẽ phục hưng lại được những giá trị truyền thống vô cùng độc đáo và rất thực sự nhân bản của họ".

Đài Loan

- Đài Loan chỉ bằng non nửa tỉnh Phúc Kiến, một phần ba Bắc Việt, mà hai phần ba là núi, có những ngọn cao trên 3.000 thước, ngọn cao nhất non 4.000 thước, ở gần bờ biển phía Đông; càng tiến về phía Tây (phía Phúc Kiến) núi càng thấp dần, rồi tới đồi và một cánh đồng khá rộng, nằm suốt bờ biển, từ Nam lên

Bắc. Ở cực Bắc còn một số núi lửa chưa tắt hẳn. Năm 1935 một cuộc động đất làm 15.000 người chết và bị thương.

Khí hậu tốt. Rừng có nhiều cây quý. Thổ dân gốc Mã Lai, hơi giống người Mọi ở nước ta. Họ sống trên rừng núi bằng săn bắn và làm rẫy. Họ là một thiểu số rất nhỏ trong số 7 triệu rưỡi dân, vào khoảng năm 1953. Năm 1970, được 13 triệu.

Từ mạt thế kỉ, Đài Loan làm sào huyệt của bọn cướp biển. Tới khi người Nhật chiếm được năm 1895, mới diệt hết bọn đó, đem các nhà bác học, kĩ thuật gia qua nghiên cứu đất đai, tài nguyên, bắt đầu mở trường, lập đường đường, làm đường. Người Trung Hoa từ Phúc Kiến di cư qua nhiều và Đài Loan được tích cực khai thác. Họ trồng gạo, bắp, đậu nành, đậu phụng, mía, trà (có tiếng là ngon); long não (ba phần tư số long não trên thế giới).

Phát triển nhất là kĩ nghệ : khai thác than đá, xây cất nhà máy thủy điện, nhà máy phân bón, xi măng, giấy, nhôm, làm nhiều đường xe lửa và xe hơi. Đài Loan thành một miền kĩ nghệ quan trọng của Trung Hoa.

Khi Nhật đầu hàng đồng minh, Đài Loan trở về Trung Hoa, và bắt đầu suy : đồng tiền bị phá giá, bệnh dịch tả, dịch hạch phát trở lại, lúa gạo thiếu, dân đói.

Năm 1950, Tưởng Giới Thạch đem hai ba trăm ngàn quân qua, với một số đông dân di cư. Ông rán lập lại trật tự, chấn chỉnh kinh tế, cải cách chế độ.

Thế giới thừa nhận quốc gia Đài Loan của Tưởng, cho nó là hợp danh nghĩa và hợp thực tế. Thành thử có hai Trung Hoa : Trung Hoa của Tưởng và Trung

Hoa của Mao, Tưởng vẫn ở trong Hội đồng an ninh Liên Hiệp Quốc, Mao không được vào, điều đó làm cho Mao và phe của Nga ức lắm mà không làm gì được.

Đầu năm 1950, Mĩ còn do dự, không biết nên thừa nhận Trung Hoa lục địa không; sau mới quyết định cứ ủng hộ Tưởng rồi sau sẽ hay, như vậy rất có lợi cho Tưởng : rất nhiều Hoa kiều ở hải ngoại sẽ còn hướng về Tưởng được, Mao mất một miền kinh tế phát triển, và nếu tình trạng kéo dài lâu thì có thể mất luôn Đài Loan.

Tưởng mới qua Đài Loan được sáu tháng thì chiến tranh Triều Tiên nổ; Tổng thống Mĩ Truman, long trọng tuyên bố rằng nếu Cộng chiếm Đài Loan thì Thái Bình dương sẽ nổi sóng gió; ông ta lại viện trợ quân sự cho Tưởng trở lại, nhưng cũng ra lệnh cho Tưởng ngừng ngay mọi cuộc tấn công Hoa lục bằng không quân và hải quân. Hạm đội thứ VII của Mĩ được đưa tới vùng biển Đài Loan để canh phòng. Vậy là Đài Loan, hóa ra trung lập. Nhưng khi Eisenhower lên thay Truman thì chính sách của Mĩ thay đổi, ra mặt che chở Đài Loan, mặc cho Đài Loan khiêu khích Mao.

Do đó mà giữa Tưởng và Mao tình hình căng thẳng. Mao thả bom xuống các đảo Kim Môn và Mã Tổ của Tưởng ở gần bờ biển Hoa lục; Tưởng trả đũa, đổ bộ một ít lên Hoa lục, phá quấy rồi rút lui vội vàng. Ai cũng biết rằng Tưởng không hi vọng gì chiếm lại được Hoa lục, chỉ muốn nâng cao tinh thần của quân đội, của nhân dân lên thôi. Nhiều lắm là ông ta chỉ có thể mong khi nào Hoa lục có nội chiến, thì ông ta sẽ đem quân qua giúp phe chống Cộng. Chuyện đó xa vời quá. Khi ông chết (1975) Mao vẫn nắm quyền ở Hoa lục.

Con ông, Tưởng Kinh Quốc, lên nối ngôi, chính sách không có gì thay đổi.

Tưởng cho phép hai đảng đối lập hoạt động. Dĩ nhiên hai đảng đều có tính cách dân chủ, và chỉ đối lập cho có hình thức. Kẻ nào đối lập hẳn thì bị chụp mũ là Cộng sản, và thủ tiêu liền. Người nào không tán tụng chính quyền thì cũng bị coi chừng. Tưởng vốn có tính thù dai. Xét vụ Trương Học Lương thì biết : năm 1959, hai mươi ba năm sau vụ Tây An mà Trương vẫn bị an trí ở Đài Loan.¹

Từ năm 1971, chính sách của Mĩ đối với Trung Quốc lại thay đổi. Nixon thân thiện với Mao, ủng hộ Mao vô Liên Hiệp Quốc. Vậy là Đài Loan bị gạt ra ngoài.

Nhưng Mĩ vẫn không bỏ Đài Loan. Mấy năm nay, mặc dầu tình Trung Quốc - Mĩ rất thắm thiết, Mĩ vẫn bán những vũ khí tối tân cho Đài Loan, có thể còn viện trợ cho nữa. Trung Quốc đương phải nhờ Mĩ giúp đỡ rất nhiều để thực hiện bốn hiện đại hóa, nên chỉ phản đối cho có và Mĩ cứ làm.

(1) Đúng như tác giả (sách này) viết. Trong sách *Cha tôi Đặng tiểu Bình* (NXB chính trị Quốc gia) tác giả Mao Mao (con gái Đặng tiểu Bình) viết : "Tướng Giới Thạch đã căm ghét ai thì căm ghét suốt đời (...) tướng Trương (Học Lương) bắt Tưởng và giam Tưởng chỉ vùn vùn 13 ngày. Còn Tưởng bắt và giam Trương hơn 50 năm". Trương Học Lương mới mất ở Đài Loan trước năm 1991 (BT)